

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
TRUNG ƯƠNG QUẢNG NAM

Số: 4575 /TB-BV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Nam, ngày 16 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ
Mua sắm vật tư y tế năm 2023

1. Bên mời chào giá: Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam
2. Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế năm 2023
3. Thời gian phát hành thông báo: 09. giờ 30. phút, ngày 16 tháng 12 năm 2022
4. Địa điểm phát hành: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế, Bệnh viện, địa chỉ: Thôn Nam sơn, xã Tam Hiệp, Núi Thành, Quảng Nam.
Điện thoại: 0235-3870 390 - 2500 (máy lẻ)
5. Hình thức phát hành thông báo: Đăng trên website Bệnh viện, gửi mail các đơn vị cung ứng.
6. Yêu cầu cụ thể về danh mục vật tư y tế cần báo giá theo danh sách file đính kèm: **(Phụ lục 1).**
7. Địa chỉ nhận hồ sơ: Yêu cầu hồ sơ niêm phong gửi về Phòng Vật tư – Thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam (Nội dung bắt buộc ghi trên bì báo giá bên ngoài: “Báo giá của công ty..... Theo thông báo số 4575 /TB-BV ngày 16 / 12 / 2022 về việc thông báo mời chào giá mua sắm vật tư y tế năm 2023”) và file mềm qua email Phòng Vật tư- Thiết bị y tế (tb.bvtwqn.vn@gmail.com) với tiêu đề email là : “ Báo giá Mua sắm vật tư y tế năm 2023”.
8. Hạn chót nhận hồ sơ: 16 giờ 30 Ngày 23 tháng 12 năm 2022.

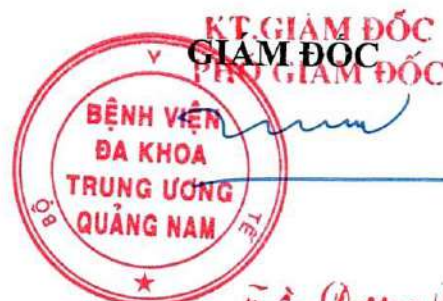
Bệnh viện kính mời các nhà thầu có đủ điều kiện, năng lực và quan tâm gói thầu trên, gửi báo giá tham gia chào giá theo danh mục kèm theo như **Phụ lục 1**.

Nội dung chào giá yêu cầu các đơn vị cung ứng :

- + Xem xét thích hợp mặt hàng nào thì chào giá mặt hàng đó.
- + Báo giá đã bao gồm thuế VAT và các chi phí khác.
- + Hiệu lực báo giá 09 tháng kể từ ngày báo giá.
- + Ghi rõ thông tin đơn vị chào giá: Tên, địa chỉ, số điện thoại, email gửi file mềm của đơn vị cung ứng.

Nơi nhận:

- Nhà thầu (có quan tâm);
- Đăng website Bệnh viện;
- Lưu VT, VT-TBYT



Trần Dương Quân



Phụ lục 1
DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo mời báo giá số 45/24.../TB-BV ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam)

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
3	4	5	7						
1	Airway các số	Chất liệu: PE không độc hại. Kích cỡ: 0, 1, 2, 3, 4. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	50		
2	Ampu người lớn (Bóp bóng), các cỡ	1 bóng bằng nhựa PVC, thể tích 1700ml, trên bóng có van điều chỉnh áp lực 60cmH2O cho người lớn- Dây dẫn khí trong suốt dài 1.8m- 1 mask gây mê hoặc bóng chứa 1700ml cho người lớn (hoặc tương đương). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	100		
3	Ampu trẻ em (Bóp bóng), các cỡ	1 bóng bằng nhựa PVC, thể tích 700ml, trên bóng có van điều chỉnh áp lực 60cmH2O cho người lớn- Dây dẫn khí trong suốt dài 1.8m- 1 mask gây mê hoặc bóng chứa 700ml cho trẻ em (hoặc tương đương). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	20		
4	Ampu trẻ em, trẻ sơ sinh (Bóp bóng), các cỡ 250ml, 450ml, 650ml	Ampu trẻ em, trẻ sơ sinh (Bóp bóng), các cỡ 250ml, 450ml, 650ml. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	10		
5	Bàn chải rửa tay phẫu thuật	Nhựa PE và Nylon. Nó có hình chữ nhật và một mặt của nó chứa nhiều sợi lông mềm như tơ Kim các số, vì dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	500		
6	Băng bột 6 inch x 460cm	Kích thước 6 inch x 460cm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cuộn	3.000		
7	Băng cuộn 9cm x 2,5m	Kích thước: 9cm x 2,5m. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cuộn	7.000		
8	Băng dán cá nhân	Băng dính dẫn hồi, nền Visocose và polyamide, màu da. Nền keo dính tổng hợp. Miếng gạc thấm hút > 500%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 và EN ISO 13485:2016	3			Miếng	5.000		
9	Băng gạc siêu thấm hút dịch tiết Askina Foam 10 x 10 cm	Kích thước 10 x 10 cm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Miếng	200		
10	Băng gạc siêu thấm hút dịch tiết Askina Foam 20 x 20 cm	Kích thước 20 x 20 cm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Miếng	100		
11	Băng giãn dính 10cm x 4,5 m	Kích thước: 10 cm x 4,5 m - Băng bằng chất liệu cotton, lớp keo có lớp giấy lót bảo vệ. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cuộn	1.500		
12	Băng keo lụa 2,5cm*5m	Kích thước: 2,5 cm x 5 m. Thành phần nền bằng vải lụa, chất keo là oxit kẽm không dùng dung môi. Chất lượng tương đương mắt hàng Urgosval 2.5cm x 5m. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Cuộn	25.000		
13	Băng thun KT 10 cm x 4 m	Chất liệu làm từ sợi Cotton se tròn, kết hợp với cao su tự nhiên; độ đàn hồi 300% (Kích thước ban đầu 10cm x 1,5m, kích thước sử dụng khoảng 10cm x 4m)	6			Cuộn	1.500		
14	Băng vô trùng trong suốt, không thấm nước có định kim luôn cỡ 53 x 80mm	Cỡ 53 x 80mm. Băng màng Polyurethane trong suốt, có tính đàn hồi, phủ keo Acrylic. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Miếng	1.000		
15	Bao camera nội soi vô trùng, 15cm x 220cm	Vô trùng. Kích thước: 15cm x 220cm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5			Cái	6.000		
16	Bao cao su	Chất liệu cao su. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	2.000		
17	Bao đo máu sau sinh	70cm x 105cm. Làm bằng nhựa PE. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5			Cái	3.000		
18	Bao huyết áp máy Monitor xâm nhập và không xâm nhập	Dùng tương thích với các loại máy theo dõi bệnh nhân hiện có của bệnh viện. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	3			Cái	100		
19	Ống dẫn lưu (drain) áp lực âm các loại, các cỡ	Bình dẫn lưu áp lực âm dạng lò xo, chất liệu silicon, dung tích từ 200 - 400ml. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	500		
20	Bình thông phổi đơn 1600 ml	Bình thông phổi đơn 1600 ml. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	50		
21	Biopur eppendorf Dùng trong tách chiết RNA, DNA	Dùng trong tách chiết RNA, DNA. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	7.000		
22	Bộ catheter động mạch	Dùng đặt động mạch xâm lấn. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Bộ	250		
23	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần (có bể nước)	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần (có bể nước). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Bộ	200		
24	Bộ đèn đặt NKQ người lớn/trẻ em	Người lớn (lưới số 1,2,3) trẻ em (lưới số 0,1,2). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Bộ	5		
25	Bộ điều kinh I van Karman	Chất liệu bằng nhựa PVC. Bộ gồm Xilanh, Piston, ống hút, chai đầu bôi trơn. Đóng gói tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Bộ	200		
26	Bộ đo huyết áp kể	Gồm: đồng hồ đo, băng đo huyết áp và quả bóp huyết áp, dài đo: 20 tới 300 mmHg, độ chính xác: ± 3 mmHg. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Bộ	50		
27	Bộ gây tê ngoài màng cứng	Bộ gây tê ngoài màng cứng, bằng polyamid, kim dài cong G18 dài 3 1/4" loại Perifix hoặc tương đương. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Bộ	20		
28	Bộ hút đàm kin	Bộ hút đàm kin 72h cho người lớn, kích thước 10-16Fr, chiều dài catheter 305/540/595mm, có công tác tổng và công tác bật tắt, công ngăn chặn rò rỉ dòng chảy ngược trong quá trình hút và có cổng MDI. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Bộ	100		
29	Bộ hút đàm kin trẻ em các cỡ 6F-12F	Được thiết kế chuyên cho trẻ em và nhi sơ sinh với đầu nối chữ Y có thể nối với ống nội khí quản 2.5mm, 3mm, 3.5mm. - Kích thước ống hút 6F-12F Đầu ống mềm, mịn - Có thể sử dụng đến 72 giờ - Van cách ly thiết kế bảo đảm an toàn - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485 CE, tiệt trùng.	6			Bộ	20		
30	Bộ kit đo huyết áp động mạch xâm lấn sử dụng 1 lần	Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương, có kèm bộ xả 3cc thích hợp với máy monitor các hãng khác nhau	6			Bộ	150		
31	Bộ kit tách tiểu cầu	Tiêu chuẩn kỹ thuật: có kèm túi chống đông, dung tích 500ml; Hệ thống gồm: Bầu li tâm khoảng 225ml, Kim 17G có tay nắm và nắp bảo vệ; 1 túi lấy mẫu máu toàn phần 50ml, tương thích với ống mẫu chân không; 1 Túi chứa tiểu cầu 1000 ml, kèm túi lấy mẫu 90ml, 1 túi huyết tương 1000 ml, 1 túi điều hoà khí 600 ml, Dây chống đông có sẵn kim và bộ lọc khuẩn, dây dẫn có chỉ thị màu. Tiệt trùng bằng EO Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Bộ	300		
32	Bộ lọc khuẩn máy thở 3 chức năng	Lọc khuẩn và làm ấm có cổng đo CO2. Kim các số, vì dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	200		

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
33	Bộ Ống thở kèm bình làm ẩm dùng 1 lần HFNC	Bộ dây dùng 1 lần có điện trở nhiệt lưỡng trong, kèm bình làm ẩm dùng 1 lần. Ống thông mũi dòng cao (cannula) có 3 size S,M,L. Cuff dây thở và đầu kết nối bình làm ẩm. Sử dụng phù hợp với Máy tạo oxy lưu lượng cao qua mũi (Model: HF 2900 (HF 2900D) + Hãng sản xuất: Great Group Medical CO., LTD Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Bộ	150		
34	Bộ phun khí dung cho máy thở	Bộ phun khí dung dùng cho người bệnh đặt ống nội khí quản có thở máy, bao gồm: bầu chứa, dây nối, cơ nối T, ống ngậm - Chất liệu: nhựa - Đóng gói tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE hoặc tương đương	6			Bộ	150		
35	Bơm kim tiêm vô trùng 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10ml, cỡ kim 23G; 25G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5			Cái	170.000		
36	Bơm kim tiêm vô trùng 1ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml, cỡ kim 26Gx1/2", giao thoa có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5			Cái	50.000		
37	Bơm kim tiêm vô trùng 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G; 25G. Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5			Cái	100.000		
38	Bơm kim tiêm vô trùng 3ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 3ml, cỡ kim 23G; 25G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5			Cái	10.000		
39	Bơm kim tiêm vô trùng 50ml	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5			Cái	7.000		
40	Bơm kim tiêm vô trùng 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml, cỡ kim 23G; 25G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5			Cái	450.000		
41	Bơm tiêm cho ăn 50 ml	Bơm tiêm nhựa 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5			Cái	6.000		
42	Bơm tiêm điện	Bơm tiêm 50ml có khóa. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	10.000		
43	Bóng đèn đặt nội khí quản	Sử dụng cho đèn đặt nội khí quản. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	30		
44	Bóng đèn hồng ngoại	Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	6			Cái	20		
45	Bông ép phẫu thuật sọ não KT: 2 cm x 7 cm x 2 lớp	Bông ép phẫu thuật sọ não KT: 2 cm x 7 cm x 2 lớp, vô trùng, có dây cầm quang. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	5.000		
46	Bông mỡ	Bông mỡ, không vô trùng (1 kg/ gói). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Kg	60		
47	Bông thấm nước	Bông y tế hút nước. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Kg	1.200		
48	Bút đánh dấu vết mổ	Dùng để đánh dấu vết mổ trước khi phẫu thuật. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cây	30		
49	Cannula tĩnh mạch cánh/ động mạch đùi người lớn và Introducer, các cỡ	Cannula động mạch/tĩnh mạch đùi dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể- Chất liệu chính PVC và Silicon,- Cỡ 15-17-19- 21- 23-25 Fr (5.0 - 8.3mm) với chiều dài đầu tip 50-60 cm, chiều dài tổng cộng khoảng 64-75 cm, thành mỏng 0.48mm. Đầu nối 3/8 (0.95cm)- Ca-nuyn động mạch đùi có vòng lo xo chống xoắn, thành mỏng cho dòng chảy cao, đầu tip thích hợp cho sử dụng kỹ thuật Seldinger.- Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Cái	40		
50	Ca-nuyn động mạch cho người lớn size 15,17,19 tương thích máy ECMO	Thân Cannula được làm bằng chất liệu Polyurethane. - Kích thước ≥ 15Fr,17Fr,19Fr - Chiều dài khoảng 15cm đến 38cm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Cái	40		
51	Ca-nuyn nhựa khí quản có bóng các số 6,7,8,9,10	Ca-nuyn nhựa khí quản có bóng các số 6,7,8,9,10. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	140		
52	Ca-nuyn tĩnh mạch đùi nhiều tầng và bộ Introducer, các cỡ	Cannula động mạch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể- Chất liệu chính PVC và Silicon không chứa DEHP.- Các cỡ 08-10-12-14 Fr (2.7-4.7mm) với chiều dài đầu tip 10-11.5 cm, chiều dài cannula 22.9cm, cổng kết nối dây dẫn 1/4 (6.35mm)- Cannulae động mạch đùi trẻ em có vòng lo xo chống xoắn, thành mỏng cho dòng chảy cao, đầu tip thích hợp cho sử dụng kỹ thuật Seldinger - Tiệt khuẩn- Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương				Cái	40		
53	Cassette (Bằng nhựa) có nắp đậy	Phần ghi tên nghiêng góc 30 độ. Mỗi cassette có một nắp có thể bẻ ra, xoay hoặc khóa lại. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Cái	1.500		
54	Cassette và IP kích thước (18 x 24 cm)	Hộp đựng tấm nhận ảnh X-Quang kỹ thuật số và tấm nhận ảnh X-Quang kỹ thuật số Sử dụng phù hợp với Máy đọc kỹ thuật số CR hiện có của Bệnh viện (Máy đọc CR) hãng SX FUJI - Nhật Bản. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Bộ	2		
55	Cassette và IP kích thước (24 x 30 cm)	Hộp đựng tấm nhận ảnh X-Quang kỹ thuật số và tấm nhận ảnh X-Quang kỹ thuật số Sử dụng phù hợp với Máy đọc kỹ thuật số CR hiện có của Bệnh viện (Máy đọc CR) hãng SX FUJI - Nhật Bản. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Bộ	2		
56	Cassette và IP kích thước (35 x 43 cm)	Hộp đựng tấm nhận ảnh X-Quang kỹ thuật số và tấm nhận ảnh X-Quang kỹ thuật số. Sử dụng phù hợp với Máy đọc kỹ thuật số CR hiện có của Bệnh viện (Máy đọc CR) hãng SX FUJI - Nhật Bản. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Bộ	6		
57	Catheter (thận nhân tạo) 2 nòng	Catheter 2 nòng thận nhân tạo 12F x 16 cm hoặc 12F x 20cm. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	200		
58	Catheter (Tĩnh mạch rốn) số 3,5F, 5F	Catheter (Tĩnh mạch rốn) số 3.5F, 5F. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	100		
59	Catheter đặt TM trung tâm từ ngoại vi trẻ em các cỡ: 2F, 3,5F, 5F	Catheter đặt tĩnh mạch trung tâm từ ngoại vi trẻ em các cỡ: 2F, 3,5F, 5F . Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	10		
60	Catheter đo áp lực nội sọ	Bộ dây đo dùng đo áp lực nội sọ và nhiệt độ thần não, đặt trong nhu mô não được cố định trên sọ não bằng chốt cố định (bolt). Bộ dây đo (catheter) dạng mềm, có thể uốn cong được/ Chế độ cài đặt ngay và zeroing bộ dây đo được lưu trữ trong bộ nhớ ở phần kết nối: cho phép hiển thị trực tiếp trên bất kỳ màn hình monitor nào tích hợp cổng kết nối Trên dây đo (catheter) có các vạch chia centimet thuận tiện cho bác sỹ thao tác, xác định được độ sâu trong quá trình đặt catheter. Ổn định trong quá trình đo: Sensor được thiết kế theo công nghệ vi cảm biến áp lực, đảm bảo ổn định trong khi đo, độ sai số thấp: ± 2mmHg. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	2			Bộ	20		
61	Catheter(TM trung tâm) 2 nòng	Chất liệu: Polyurethane mềm. - Đường cán quang rõ nét, đánh dấu rõ ràng để đảm bảo vị trí đặt catheter chính xác - Kim luôn chữ Y có van - Nong dẫn chữ J - Khóa ba ngã ngăn dịch - Tiêu chuẩn: ISO 13485, EC hoặc tương đương	6			Cái	350		
62	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 2/0 (hoặc tương đương)	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 2/0, dài 90cm, 2 kim tròn 22mm, 1/2C. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1			Tép	144		
63	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 3/0 (hoặc tương đương)	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 3/0, dài 90cm, 2 kim tròn 22mm, 1/2C. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1			Tép	180		
64	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 4/0 (hoặc tương đương)	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 4/0, dài 90cm, 2 kim tròn 22mm, 1/2C. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1			Tép	72		
65	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 5/0 (hoặc tương đương)	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 5/0, dài 90cm, 2 kim tròn 22mm, 1/2C. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1			Tép	144		

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
66	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 6/0 (hoặc tương đương)	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 6/0 dài 90cm, 2 kim tròn 26mm, 1/2C. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	2			Tép	120		
67	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 7/0 (hoặc tương đương)	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 7/0 dài 90cm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1			Tép	144		
68	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 8/0 (hoặc tương đương)	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 8/0, dài 90cm, 2 kim tròn 22mm, 1/2C. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Tép	48		
69	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0 có kim tròn/tam giác (hoặc tương đương)	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0 có kim tròn/tam giác. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Tép	480		
70	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0 không kim (hoặc tương đương)	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0 không kim, dài 75cm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Tép	300		
71	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 3/0 không kim (hoặc tương đương)	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 3/0, dài 75cm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Tép	360		
72	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 3/0 có kim tròn/tam giác (hoặc tương đương)	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 3/0, dài 75cm, kim tròn 26 mm, 1/2C. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Tép	450		
73	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 5/0 có kim tròn (hoặc tương đương)	Chỉ Silk số 5/0 dài khoảng 75cm, kim tròn. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Tép	120		
74	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 1/0 (hoặc tương đương)	Chỉ không tiêu, đơn sợi Polyamide 1/0 75cm 24mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Tép	240		
75	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 2/0 (hoặc tương đương)	Chỉ không tiêu, đơn sợi Polyamide 2/0 75cm 24mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Tép	840		
76	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 3/0 (hoặc tương đương)	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi chất tiêu Polyamid số 3/0 dài 75cm. 1 kim tam giác 3/8 vòng tròn, kim dài 24mm phủ silicon. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Tép	6.500		
77	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 4/0 có kim (hoặc tương đương)	Chỉ không tan tổng hợp Nylon số 4/0 dài 75cm, kim tam giác 18mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Tép	720		
78	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 5/0 (hoặc tương đương)	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi chất liệu Polyamid số 5/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 16mm, kim phủ silicon. Kim và chỉ gắn vào nhau chắc chắn. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Tép	1.800		
79	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 6/0 (hoặc tương đương)	Chỉ không tiêu, đơn sợi Polyamide 6/0 75cm 12mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Tép	240		
80	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 10/0 có kim (hoặc tương đương)	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide, số 10/0, dài 30cm 6.2mm, 02 kim x DLM6 phủ silicone. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Tép	120		
81	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 1 (Chỉ vicryl số 1 hoặc tương đương)	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1 (Chỉ vicryl số 1 hoặc tương đương). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Tép	4.500		
82	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin số 2/0 (Novosyn Quick hoặc tương đương)	Chỉ tan tổng hợp đa sợi tan nhanh polyglactin 910 số 2/0, dài 70cm, kim tròn phủ silicon 1/2C dài 37mm, áo bao poly. Loại Novosyn Quick hoặc tương đương. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Tép	3.500		
83	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 2/0 có kim tròn (hoặc tương đương)	Chỉ tan tổng hợp đa sợi tan nhanh polyglactin 910 số 2/0. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Tép	3.600		
84	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 3/0 có kim tròn (hoặc tương đương)	Chỉ tan tổng hợp đa sợi tan nhanh polyglactin 910 số 3/0. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Tép	3.000		
85	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 4/0 có kim tròn (hoặc tương đương)	Chỉ tan tổng hợp đa sợi tan nhanh polyglactin 910 số 4/0. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Tép	600		
86	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 5/0 có kim tròn (hoặc tương đương)	Chỉ tan tổng hợp đa sợi tan nhanh polyglactin 910 số 5/0. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Tép	300		
87	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 6/0 có kim tròn (hoặc tương đương)	Chỉ tan tổng hợp đa sợi tan nhanh polyglactin 910 số 6/0. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Tép	120		
88	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 8/0 có kim tròn (hoặc tương đương)	Chỉ tan tổng hợp đa sợi tan nhanh polyglactin 910 số 8/0. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Tép	120		
89	Chỉ tan tự nhiên Chromic Catgut số 1/0 (hoặc tương đương)	Chỉ tan tự nhiên Chromic Catgut số 1/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C (hoặc tương đương). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Tép	60		
90	Chỉ tan tự nhiên Chromic Catgut số 2/0 (hoặc tương đương)	Chỉ tan tự nhiên Chromic Catgut số 2/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C (hoặc tương đương). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Tép	2.400		
91	Chỉ tan tự nhiên Chromic Catgut số 3/0 (hoặc tương đương)	Chỉ tan tự nhiên Chromic Catgut số 3/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C (hoặc tương đương). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Tép	360		
92	Chỉ thép khâu xương bánh chẻ	Dùng khâu xương. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Tép	60		
93	Chỉ tự tiêu tổng hợp đơn sợi Polydioxanone (PDS) 3.0	Chỉ: Polydioxanone 3/0 dài 70cm, đầu tròn, kim SH plus, cong 1/2 vòng tròn hoặc tương đương. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1			Tép	500		
94	Chỉ tự tiêu tổng hợp đơn sợi Polydioxanone (PDS) 4.0	Chỉ: Polydioxanone 4/0 dài 70cm, đầu tròn, kim SH plus, cong 1/2 vòng tròn hoặc tương đương. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1			Tép	500		
95	Chỉ tự tiêu tổng hợp đơn sợi Polydioxanone (PDS) 5.0	Chỉ: Polydioxanone 5/0 dài 70cm, đầu tròn, kim SH plus, cong 1/2 vòng tròn hoặc tương đương. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1			Tép	200		
96	Chỉ tự tiêu tổng hợp đơn sợi Polydioxanone (PDS) 6.0	Chỉ: Polydioxanone 6/0 dài 70cm, đầu tròn, kim SH plus, cong 1/2 vòng tròn hoặc tương đương. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1			Tép	200		
97	Cone lọc các cỡ (1 µl, 10 µl/100 µl/1000 µl)	Đầu nhựa có màng lọc 0,2-10 µl/1-100 µl/100-1000 µl - Có màng lọc - Tip có vạch chia - đã được tiệt trùng. - Tương thích các loại Pipette của các hãng. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	9.600		
98	Cung Tigerstedt	Cung 2 thanh 2 dây. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cấp	20		
99	Cuộn đóng túi thuốc đông y	Giấy đóng túi thuốc đông y chất liệu Pet/Pe. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cấp	50		
100	Dao cắt mô	Dao cắt mô S35 (Dao cắt tiêu bản/bệnh phẩm). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Cái	200		
101	Dao mổ các số	Dao sắc. Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	8.500		
102	Đầu col trắng	Đầu col thiết kế để phù hợp với nhiều loại pipettors. Được sản xuất từ polypropylen - Thể tích hút: 1-10 µl. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	10.000		
103	Đầu col vàng	Đầu col vàng sản xuất bằng nhựa PP không chứa kim loại. Đầu col vàng 200µl phù hợp với các pipet trên thị trường. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	40.000		
104	Đầu col xanh	Đầu col xanh có khía hoặc đầu col xanh không khía. Dùng trong phòng lab, xét nghiệm để gắn vào các cây pipet trên thị trường. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	8.000		
105	Dây cưa sơ não	Chiều dài 32cm hoặc 40cm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương, chất liệu thép không gỉ	6			Cái	60		
106	Dây garo	Chất liệu thun cotton, co giãn tốt. Có gai dãn.	6				500		
107	Dây garo có khóa	Dây chun có độ đàn hồi tốt, đảm bảo độ bền, không rão. Khóa cài nhay, bấm nhẹ, dễ mở. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	30		
108	Dây hút đơm, dịch có kiểm soát các số có nắp	các số 5-8-10-12-14-16-18. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC, không chứa DEHP. Khóa van các cỡ có đầu gen để kết nối với các thiết bị phụ trợ. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5			Cái	40.000		

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hãng sản xuất	Nguồn sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
109	Dây nối bơm tiêm điện 140 cm, có khóa	Dây dài 140cm, được làm từ vật liệu nhựa y tế trong suốt. - Hai đầu dây là khóa dạng xoắn luer lock. Dây chống xoắn. Thể tích tồn dư 0.9ml, đường kính trong 1.0mm đường kính ngoài 2.3mm, chịu áp lực 3,5 bar. - Tiết trùng - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	8.000		
110	Dây nối ống bơm cân quang 30 cm	Kích thước: 30 cm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	2.000		
111	Dây oxy 2 nhánh người lớn, trẻ em	Dây dẫn có chiều dài khoảng 2 m được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	5			Bộ	14.000		
112	Dây oxy 2 nhánh Trẻ sơ sinh	Dây dẫn có chiều dài 2 m được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5			Bộ	500		
113	Dây thông đường mật chữ T, các số	Làm bằng cao su tự nhiên, mạ Silicon. Sử dụng để thông túi mật. Bộ phận kết nối có đường kính lớn hơn các bộ phận khác. Dây đủ các số 10, 12, 14, 16, 18. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	50		
114	Dây thông phổi, các số	Ống dẫn lưu dịch trong màng phổi bằng nhựa trung tính, không gây kích ứng, trên thân có khắc vạch 5 - 10 - 15; dài 38 -> 40cm, cỡ 16, 20, 24, 28, 32, 36. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	20		
115	Dây truyền dịch (có kim 2 cánh bướm)	Có kim 2 cánh bướm. Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ nhựa; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích ≥ 8.5ml. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC; Độ dài dây dẫn ≥1550mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5			Bộ	75.000		
116	Dây truyền dịch (Có kim không có cánh bướm)	Có kim không có cánh bướm. Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ nhựa; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích ≥ 8.5ml. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC; Độ dài dây dẫn ≥1550mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Bộ	60.000		
117	Dây truyền dịch dùng cho trẻ sơ sinh	Dây truyền định vị dùng cho bệnh nhi • 60 giọt/ ml • Ống nhựa PVC mềm • Kẹp lãn kiểm soát an toàn và chính xác dịch đi qua • Độ dài tiêu chuẩn: 150 cm • Tùy chọn có sẵn - Có hoặc không có kim - Luer khóa hoặc xoay Luer khóa - "Y" lõ chích (latex free) được thiết kế cho tiêm nhiều lần Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	6			Bộ	1.000		
118	Dây truyền máu	Dây dài 180cm - Có chức năng đuổi khí tự động - Kích thước màng lọc 200µm - Diện tích màng lọc 11cm2 - Đầu khóa vận xoắn Spin Lock. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Bộ	4.500		
119	Đề lưới gỗ vô trùng	Được sản xuất từ gỗ tự nhiên, cứng và láng, kích thước 2x20x150mm. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	15.000		
120	Điện cực điện tim	Làm từ vật liệu PE-foam, độ bám dính cao, không để lại chất kết dính- Tương thích hầu hết với các loại cáp kết nối- • Đóng gói tiết trùng- Hình oval, kích thước : khoảng 36mm. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	3			Cái	35.000		
121	Dùng dịch xịt dùng ngoài điều trị phỏng ngứa loét do tỷ đè các loại	Giúp phòng và điều trị da bị ban đỏ do dị ứng, ngứa, đỏ rát hoặc bị cắt, da khô và mất nước, da yếu, mỏng manh do điều kiện ẩm ướt và dinh dưỡng kém. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	5			Lọ	200		
122	Eppendorf PCR 0.1ml	Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	2.000		
123	Film laser khổ 20 x 25 cm	Film X-quang laser khô, kích thước 20cmx25cm. Dùng phù hợp với máy in hãng SX: FUJI - Nhật Bản hiện có của Bệnh viện. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Tờ	40.000		
124	Film laser khổ 26 x36 cm	Film X-quang laser khô, kích thước 26cmx36cm. Dùng phù hợp với máy in hãng SX: FUJI - Nhật Bản hiện có của Bệnh viện. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Tờ	30.000		
125	Film laser khổ 35 x 43 cm	Film X-quang laser khô, kích thước 35cmx43cm. Dùng phù hợp với máy in hãng SX: FUJI - Nhật Bản hiện có của Bệnh viện. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Tờ	15.000		
126	Gạc băng mắt vô trùng	Gạc băng mắt vô trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Miếng	3.000		
127	Gạc cầu sản khoa (Có dây rút)	Gạc cầu sản khoa đường kính 45mm, vô trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	3.000		
128	Gạc dẫn lưu vô trùng 0,75x100 cm x 4 lớp	Gạc dẫn lưu vô trùng 0,75x100 cm x 4 lớp. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5			Cuộn	1.000		
129	Gạc mét y tế	Sản xuất từ sợi Polyester hoặc 100% Cotton. Mềm mại, độ co giãn tốt, không gây dị ứng. Kích thước 80cm x 2000m; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5			Mét	9.000		
130	Gạc phẫu thuật có cân quang 30 x 40 cm x 6 lớp	Gạc phẫu thuật có cân quang 30 x 40 cm x 6 lớp. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5			Miếng	60.000		
131	Gạc phẫu thuật không cân quang 10 x 10 cm x 8 lớp	Gạc phẫu thuật không cân quang 10 x 10 cm x 8 lớp. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5			Miếng	600.000		
132	Gạc phẫu thuật nội soi cân quang 3,5 x 75 cm x 6 lớp	Gạc phẫu thuật nội soi cân quang 3,5 x 75 cm x 6 lớp. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5			Miếng	3.000		
133	Gạc vaseline	Chất liệu: gạc tẩm vaseline. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Miếng	3.500		
134	Găng tay dài sản khoa vô trùng, các số	Sản xuất từ cao su tự nhiên, phủ bột chống dính, bề mặt trơn láng. Dài 490-500mm, Tiết trùng bằng khí EO. Các cỡ: Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	5			Đôi	2.200		
135	Găng tay phẫu thuật vô trùng, các số	Các cỡ 6,5; 7; 7,5. - Độ dày nhỏ nhất bằng 0,10mm. - Trọng lượng và chiều rộng: + Số 6,5 trong khoảng (7,1 – 7,3 gr)/đôi; (83 ± 5)mm. + Số 7 trong khoảng (8,6 – 8,8 gr)/đôi; (89 ± 5)mm. + Số 7,5 trong khoảng (9,2 – 9,4 gr)/đôi; (95 ± 5)mm. - Găng tay phẫu thuật tiết trùng: vô trùng, đóng trong túi 2 lớp: nilon và giấy; 01 đôi/túi, dài 24cm; - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	5			Đôi	65.000		
136	Găng tay thường, các số	Chiều dài găng các size M, S bằng 240mm, độ dày ngón tay nhỏ nhất: 0,08mm, độ dày nhỏ nhất lòng bàn tay: 0,08mm, có bột - Chiều rộng các size S (84 ± 3)mm, M (94 ± 3)mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Đôi	650.000		
137	Giấy điện tim 3 cần	Quy cách: 63mm x 30m. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cuộn	600		
138	Giấy điện tim 6 cần	Kích thước 110mm x 140mm x 142 tờ. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Tập	150		
139	Giấy hấp nhiệt y tế	Dùng trong hấp nhiệt y tế. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cuộn	100		
140	Giấy in kết quả siêu âm	Chất liệu: Polypropylene. Kích thước: 110 mm x 20m. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cuộn	400		
141	Giấy in monitor sản khoa 152x150x200	Kích thước: 152x150x200. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Tập	50		
142	Giấy in monitor sản khoa, 152mm x 90 mm	Giấy in monitor sản khoa, KT 152mm x 90 mm. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Tập	120		
143	Gong mũi các cỡ (+HFNC)	Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	100		
144	Gong mũi Cannula (dùng cho máy thở NCPAP số 0,1)	Dùng cho máy thở NCPAP số 0,1. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	30		
145	Kẹp rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Không chứa độc tố DEHP. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5			Cái	4.000		
146	Khăn giấy y tế 40x45 cm	Kích thước: 40x45 cm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Kg	100		
147	Khẩu trang N95	Hiệu quả lọc 95% với bụi/ hạt vô cơ có kích thước 0.3micromet Đạt tiêu chuẩn: N95 Respirator (TC NIOSH-42C FR84) hoặc FFP2 Respirator (TC EN 149-2001) hoặc tương đương	6			Cái	5.000		

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
148	Khẩu trang y tế	Khẩu trang 3 lớp không tiết trùng, bằng vải không dệt, có lớp lọc ở giữa. Lọc bụi, lọc mùi, ngăn chặn bụi xâm nhập. Lọc khí độc hại và vi khuẩn. Nẹp mũi bằng nhựa giữ cố định khẩu trang. Dây đeo thun có tính đàn hồi tốt, không gây dị ứng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	5			Cái	200.000		
149	Khí ArgonMed hoặc tương đương	Dùng cho máy phát tia Plasma lạnh * Thành phần: - Bao gồm Argon độ tinh khiết 99,9995% - H ₂ O: < 3 ppm; N ₂ < 5 ppm; Oxygen < 2 ppm * Bình chứa: - Bình hợp kim nhôm dung tích 8l - Kích thước: 159 x 8 x 615 (mm) - Kích thước bao gồm nắp chụp: 159 x 8 x 730 (mm) - Áp suất an toàn của bình chứa: 250Bar - Áp suất khí nén khi đầy: 130Bar - Thể tích khí trong bình (Khí giải nén): 1.040 lít * Chuẩn kết nối: - Nối nhanh cơ khí: NTP G 1/4 – 6 mm hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Bình	250		
150	Khóa ba ngã có dây 25cm	Các đầu khóa trong suốt. - Xoay 360 độ. - Mũi tên trên tay cầm giúp xác định hướng đóng/chạy. - Tiết trùng, dây 25cm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	9.000		
151	Khóa ba ngã có dây 50cm	Các đầu khóa trong suốt. - Xoay 360 độ. - Mũi tên trên tay cầm giúp xác định hướng đóng/chạy. - Tiết trùng, dây 50cm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	4.000		
152	Khóa ba ngã không dây	Khóa 3 chắc không có dây nối Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	2.000		
153	Khuôn đúc khối nền 15x15x5 mm Tissue-Tek (chất liệu thép không gỉ)	Khuôn đúc khối nền có nhiều kích thước, phù hợp với nhiều cỡ, mẫu mô khác nhau. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	6			Cái	12		
154	Kim cánh bướm, các cỡ	Đảm bảo vô khuẩn. Mỗi kim sắc. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cây	2.000		
155	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần, các cỡ	Các kích cỡ (Đường kính x Độ dài): 0,30 x 30 mm, 0,30 x 40 mm, 0,30 x 75 mm - Quy cách: Vải giấy, vi nhựa PE/PP bao phim từng cây một, - Cán kim (độc kim): được cuốn bằng sợi thép không gỉ. - Thân kim châm cứu được chế tạo bằng sợi thép không gỉ - Kim châm cứu dùng một lần, là sản phẩm vô trùng Chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cây	150.000		
156	Kim châm cứu kích thước 20mm	Kích cỡ 0,40x200mm. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	4			Cái	3.000		
157	Kim chích máu (Kim lacet)	Kim chích máu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	400		
158	Kim chích thử đường máu mao mạch	Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	5.000		
159	Kim chọc dò tủy sống các số	Chuôi kim trong suốt + Thiết kế lăng kính pha lê phản quang trong chuôi kim giúp nhận biết nhanh và dễ dàng hiện diện tủy sống ra. Que thông nòng có màu theo quy ước. Đầy đủ các số G18, G20, G22, G25, G27. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	3.000		
160	Kim chọc dò tủy xương 16G-18G	Kim chọc tủy xương 16G-18G, dùng 1 lần cho người lớn. Chiều dài kim >=40mm, điều chỉnh được từ 23-46mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	50		
161	Kim gây tê đám rối thần kinh tối đa hoá độ cân âm dài 100mm	Kim gây tê đám rối thần kinh, mặt vát 30 độ, các cỡ, tối đa hoá độ cân âm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	500		
162	Kim khâu	Kim tròn, kim tam giác các cỡ. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cây	200		
163	Kim luồn tĩnh mạch 18G	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa chích thuốc, Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	2.000		
164	Kim luồn tĩnh mạch 20G-22G	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa chích thuốc, Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	25.000		
165	Kim luồn tĩnh mạch 24G x 3/4" (0,7x19mm)	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa chích thuốc, Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	15.000		
166	Kim luồn tĩnh mạch 24G (Introcath hoặc tương đương)	Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. - Màng ki nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Kim luồn có cánh, không cửa. - Đường kính và độ dài catheter: 0,7mm x 19mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	2			Cái	20.000		
167	Kim tiêm các số (18,20,22,23G)	Kim các số, vi dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đảm bảo vô khuẩn. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	5			Cái	270.000		
168	Kim tiêm 22G	Kim số 22G, vi dụng kim. Đảm bảo vô khuẩn. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	5			Cây	1.000		
169	Kit thử thời gian đông máu	Kit thử dùng cho máy đo thời gian đông máu. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Bộ	40		
170	Lam kính mài	Vật liệu: Thủy tinh trong suốt, đầu mài nhám, kích thước: 25,4mmx76mm, dày 1mm-1,2mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	21.600		
171	Lamen 22 x 22 mm	Lamen chống mốc. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	8.000		
172	Lamen 22 x 40 mm	Lamen chống mốc. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	5.000		
173	Lọ đựng mẫu phân	Lọ đựng phân: nhựa PS, trắng trong, nắp màu vàng, có thìa lấy phân bên trong. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	6			Cái	5.000		
174	Lọ lấy bệnh phẩm nắp vàng có nhãn	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm: nhựa PS, trắng trong, nắp màu vàng, có nhãn. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	6			Cái	3.000		
175	Lọ lấy mẫu vô trùng 50ml có nắp	Lọ nhựa PS trắng trong, dung tích 50ml. Có nhãn màu. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	6			Cái	3.000		
176	Lọ lấy mẫu vô trùng nắp đỏ	Lọ lấy mẫu vô trùng nắp đỏ: nhựa PS, trắng trong, nắp màu đỏ, tiết trùng, có nhãn. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	6			Cái	2.000		
177	Mask gây mê người lớn	Mặt nạ gây mê có van bơm với màng silicon mềm mại thoải mái, mặt nạ size người lớn. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	6			Cái	50		
178	Mask gây mê trẻ em, sơ sinh	Mặt nạ gây mê có van bơm với màng silicon mềm mại thoải mái, mặt nạ size trẻ em, sơ sinh. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	6			Cái	30		
179	Mask khi dùng người lớn	Mask khi dùng (mask + dây + bầu). Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	5			Cái	1.500		
180	Mask khi dùng trẻ em	Mask khi dùng (mask + dây + bầu). Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	5			Cái	1.500		
181	Mask thở oxy người lớn	Mask thở oxy người lớn có túi chất liệu nhựa. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	6			Cái	800		
182	Mask thở oxy trẻ em	Mask thở oxy trẻ em có túi chất liệu nhựa. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	6			Cái	300		
183	Mũ phẫu thuật vô trùng	Chất liệu vải không dệt, vô trùng. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	6			Cái	30.000		
184	Nẹp cổ cứng	Làm từ chất liệu mủ và Có khóa Velcro, khuôn nhựa định hình thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt. Sử dụng cho các chấn thương đốt sống cổ, sau phẫu thuật, có khuôn nhựa tạo lỗ có thể luồn ống nội khí quản. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	5			Cái	100		
185	Nẹp cổ mềm	Chức năng: Cố định đốt sống cổ. Chất liệu mủ mềm, khóa Velcro, hệ thống dán xé. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	5			Cái	30		
186	Nẹp đùi	2 thanh nhôm, bộ dán xé Velcro, mủ dệt kim dày 2 -> 3mm, cỡ 5 -> 8. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	6			Cái	500		
187	Nẹp gỗ cố định xương (tay, chân)	Làm bằng chất liệu gỗ. Các cỡ.	6			Bộ	20		
188	Nẹp lưng	Gồm thanh nẹp đàn hồi được uốn theo đường cong cơ thể và chất liệu chun thoáng khí, Hai dây chun ở hai bên có tác dụng bó chặt sản phẩm vào vùng thắt lưng. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	6			Cái	100		
189	Nẹp lưng cao	Gồm thanh nẹp đàn hồi được uốn theo đường cong cơ thể và chất liệu chun thoáng khí, Hai dây chun ở hai bên có tác dụng bó chặt sản phẩm vào vùng thắt lưng. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	6			Cái	150		

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
190	Nep lung thấp	Gồm thanh nep đàn hồi được uốn theo đường cong cơ thể và chất liệu chun thoáng khí, Hai dây chun ở hai bên có tác dụng bó chặt sản phẩm vào vùng thắt lưng. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	80		
191	Nep vải căng tay	Nep cánh căng tay trái/ phải: thanh nhựa dài 25cm, thanh nhôm dài 50cm, bộ dán xé Velcro, nút dẹt kim dày 2 -> 3mm. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	500		
192	Nhiệt kế điện tử	Nhựa PEHD, hiển thị số. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	6			Cái	20		
193	Nhiệt kế thủy ngân	Nhiệt kế thủy ngân. Đạt Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	300		
194	Nội khí quản lo xo mềm (5,5; 6; 6,5)	Ống đặt nội khí quản với thân ống phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Bộ	50		
195	Nút chặn kim luồn	Vỏ trắng; Không độc hại; Màu trắng; Kích thước: + Chiều dài: 9mm (±10%); + Đường kính: 10mm (±10%). Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	2.500		
196	Ống dẫn lưu đường mật qua da	Bộ catheter dẫn lưu qua da được phủ ngoài bằng lớp ái nước. -Cò nông sắt bên trong, có khóa ở đầu ngoài dẫn lưu. - Có điểm đánh dấu cân quang ở đầu - Được sử dụng trong các trường hợp can thiệp và dẫn lưu tạng. - Dẫn lưu có nhiều lỗ bên, có kim chọc đi cùng bộ, đầu Sonde có hình trong xoay kiểu Pigtail. - Làm bằng chất liệu Polyurethane. Có các size từ 6F, 8F, 9F, 10F, 12F, 14F. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	40		
197	Ống dẫn lưu ở bụng	Dùng để thải dịch, dẫn lưu. Chất liệu nhựa PVC. Tiệt trùng. Đường kính trong 5.0/7.0mm, đường kính ngoài 7.0/10.0mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	500		
198	Ống Ependorj(Microtyp) dùng trong XN sinh hóa	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa (không vô trùng). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	20.000		
199	Ống hút nha khoa	Ống hút nước bọt nha khoa-chất liệu nhựa trong, mềm, dẻo, dễ định vị theo hướng mong muốn, sử dụng 1 lần Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	6.000		
200	Ống mở khí quản 2 nông không bóng có cửa sổ	Ống mở khí quản 2 nông không bóng, có cửa sổ lưu lại ngày số 4CFN, 6CFN, 8CFN hoặc tương đương. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Cái	50		
201	Ống nghe	Chất liệu tai nghe bằng Inox không từ tính, chất liệu ống bằng cao su. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Bộ	50		
202	Ống nghiệm Falcon 15ml đáy nhọn	Ống nghiệm Falcon 15ml đáy nhọn. Vật liệu: PolyPropylene. Đường kính: 17 mm. Dài 120 mm.Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	2.000		
203	Ống nghiệm nhựa trắng sạch (có nắp)	Nhựa trắng sạch (có nắp) 5 ml. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	10.000		
204	Ống nghiệm nhựa trắng sạch (không nắp)	Nhựa trắng sạch (không nắp) 5 ml. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	20.000		
205	Ống nghiệm thủy tinh không nắp	Ống nghiệm thủy tinh không nắp các cỡ.Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	500		
206	Ống nối dây máy thở	Ống nối dây máy thở có van lấy mẫu khí để đo nồng độ CO2 khi cần thiết, chất liệu nhựa, co giãn linh hoạt an toàn cho bệnh nhân. Thông số kỹ thuật: + Đường kính trong 22 mm đối với người lớn + Có các đầu nối tiêu chuẩn quốc tế (đường kính ngoài 22 mm, đường kính trong 15 mm) để kết nối máy thở với ống nối khí quản (ETT), ống mở khí quản, hoặc các dụng cụ không xâm lấn khác. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	200		
207	Ống nội khí quản sử dụng một lần có bóng	Chất liệu: nhựa PVC, đầu nối tiêu chuẩn 15mm, có bóng. Có các cỡ từ 2.5 – 8. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	3.000		
208	Ống nội khí quản sử dụng một lần không bóng	Chất liệu: nhựa PVC, đầu nối tiêu chuẩn 15mm, không bóng. Có các cỡ từ 2.5 – 8. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Bộ	150		
209	Ống nội phế quản 2 nông trái/phải	Ống thông chèn khí phế quản 2 nông trái/phải - Chất liệu polyvinylchlorua (PVC) - Có 04 dây hút đàm dị kềm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	10		
210	Oxy lỏng tinh khiết dùng trong y tế	Oxy lỏng dùng trong y tế, hàm lượng > 99,6%. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Kg	200.000		
211	Phin lọc vi khuẩn các loại	Lọc khuẩn, hiệu quả lọc > 99.99%. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	6			Cái	4.000		
212	Quả bóp huyết áp kể	Chất liệu cao su, mềm, có tính đàn hồi tốt. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	50		
213	Que lấy mẫu tế bào (Spatula hoặc tương đương)	Được làm bằng gỗ thông đã trích nhựa. Dùng để lấy tế bào và dịch cổ tử cung. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	500		
214	Que thử độ cứng trong nước chạy thận nhân tạo	Que thử cho phép kiểm tra bản định lượng về chỉ số độ cứng của nước. Độ cứng được sử dụng để mô tả tổng nồng độ của các Mg và Ca. Thể hiện bằng đơn vị ppm và CaCO3. Test strip và các khối màu ở các mức độ 0, 10, 15, 50 và 120 ppm (tương ứng với 0, 0,6, 1,5, 3 và 7 h ₂ CO ₃ gollon tương ứng). Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Test	600		
215	Que thử hàm lượng Clo trong nước chạy thận nhân tạo	Để đo mức độ clo thấp (chloramines/clo tự do) trong nước cấp dùng để chạy thận và cũng cho biết nồng độ Clo (chất tẩy Clo) tồn dư trong dung dịch đã sử dụng để súc rửa đường ống sau khi khử trùng thiết bị thẩm tách máu. Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 0,1, 0,5 và 3ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤35 giây. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Test	600		
216	Que thử hiệu năng Acid trong nước chạy thận nhân tạo	Dùng để thử "hiệu lực", "hiệu năng" hoặc nồng độ của axit peracetic trong chất khử khuẩn cơ bản có chứa axit peracetic/hydrogen peroxide được dùng để khử khuẩn quả lọc Có thể kiểm tra nồng độ Peracetic Acide từ: 400, 600 và 800 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 12 giây. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Test	600		
217	Que thử tồn dư peroxide	Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 13485:2003 hoặc tương đương Dùng để kiểm tra nồng độ của chất khử khuẩn acid peracetic/ peroxide đã được giảm xuống mức an toàn sau khi rửa quả lọc, máy chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống xử lý nước Có thể kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 20 giây Không dùng Que thử để kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide lớn hơn 20 ppm. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	3			Test	1.200		
218	Sáp cầm máu xương	Vật liệu cầm máu Bonewax hoặc tương đương. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	3			Miếng	300		
219	Sonde da dây số 10 không nắp	Ống thông da dây số 14 không nắp. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	5			Cái	200		
220	Sonde da dây số 12 không nắp	Ống thông da dây số 16 không nắp. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	5			Cái	200		
221	Sonde da dây số 14 không nắp	Ống thông da dây số 14 không nắp. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	5			Cái	700		
222	Sonde da dây số 16 không nắp	Ống thông da dây số 16 không nắp. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	5			Cái	3.000		
223	Sonde da dây số 18 không nắp	Ống thông da dây số 18 không nắp. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	200		
224	Sonde da dây số 6 đầu nhỏ có nắp dùng cho trẻ em	Dùng cho trẻ em 6Fr (đường kính trong 2mm), dài 50cm, vạch đánh dấu tại 20, 30 cm, có 2 mặt phụ, đầu ống được mài nhẵn. Chất liệu PVC mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	600		
225	Sonde da dây số 8 có nắp	Ống thông da dây số 8 có nắp. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	5			Cái	200		
226	Sonde Double J (Stent niệu quản), 7Fr-26 cm	Các cỡ, dài 26 cm, 1c/gối, vô trùng, máu dây đôi, thông 2 đầu, chất liệu polyurethane. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	3			Cái	200		
227	Sonde Foley 2 nhánh vô trùng số 8	Làm bằng cao su tự nhiên, được phủ silicon trong và ngoài ống, trơn láng, đầu ống bo tròn để luồn.Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	50		
228	Sonde Foley 2 nhánh vô trùng số 10	Làm bằng cao su tự nhiên, được phủ silicon trong và ngoài ống, trơn láng, đầu ống bo tròn để luồn.Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	80		
229	Sonde Foley 2 nhánh vô trùng số 14	Làm bằng cao su tự nhiên, được phủ silicon trong và ngoài ống, trơn láng, đầu ống bo tròn để luồn.Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	1.000		
230	Sonde Foley 2 nhánh vô trùng số 16	Làm bằng cao su tự nhiên, được phủ silicon trong và ngoài ống, trơn láng, đầu ống bo tròn để luồn.Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	4.000		
231	Sonde Foley 2 nhánh vô trùng số 20	Làm bằng cao su tự nhiên, được phủ silicon trong và ngoài ống, trơn láng, đầu ống bo tròn để luồn. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	200		
232	Sonde Foley 2 nhánh vô trùng số 22	Làm bằng cao su tự nhiên, được phủ silicon trong và ngoài ống, trơn láng, đầu ống bo tròn để luồn. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	200		

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
233	Sonde Foley 2 nhánh vô trùng số 24	Làm bằng cao su tự nhiên, được phủ silicon trong và ngoài ống, trơn láng, đầu ống bo tròn dễ luồn. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	400		
234	Sonde Foley 3 nhánh các số	Làm bằng cao su tự nhiên, được phủ silicon trong và ngoài ống, trơn láng, đầu ống bo tròn dễ luồn, dung tích bóng 10-30ml/cc. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	150		
235	Sonde hậu môn	Làm từ nhựa PVC trắng Silicone. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	100		
236	Sonde Nelaton vô trùng số 14, 16	Sonde Nelaton bằng cao su, Đầu thon mịn của ống thông tạo điều kiện dễ dàng đưa vào niệu đạo. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	1.000		
237	Tăm bông lấy mẫu bệnh phẩm (Mẫu hầu họng)	Đầu bông làm bằng vật liệu sợi tổng hợp, đầu lấy mẫu làm bằng vật liệu y tế, đường kính 3mm, dài 20mm, tổng chiều dài 140-150mm. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	5.000		
238	Tăm bông lấy mẫu bệnh phẩm (Mẫu ty hầu)	Thân bằng nhựa, đầu lấy mẫu bằng sợi tổng hợp, không chứa DNase, RNase-free, AND người, chất ức chế PCR. Vô trùng. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	20.000		
239	Tăm bông vô trùng	Que gòn xét nghiệm đã tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cây	6.000		
240	Tấm trải nylon phẫu thuật vô trùng, 100 x 130 cm	Vô trùng, Kích thước: 100cm x 130cm. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	20.000		
241	Test kiểm soát tiệt trùng hơi nước	Thiết kế dạng que giấy dài có vạch mực chỉ thị hóa học. Vạch mực chỉ thị sẽ chuyển màu từ trắng qua đen sau khi qua quá trình xử lý tiệt trùng hơi nước. Sử dụng với nhiệt độ hấp 121 độ C hoặc 134 độ C. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	3			Miếng	4.800		
242	Test kiểm tra hóa học	Thiết kế nhỏ gọn với bậc giấy và mực khô sẽ tan chảy trong quá trình hấp tiệt trùng. Khi đạt đủ 3 điều kiện về nhiệt độ cần thiết - thời gian - áp suất hơi nước, túi mực sẽ tan chảy và thấm vào bậc giấy hình thành vạch chỉ thị hóa học. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	3			Miếng	3.000		
243	Test kiểm tra thiết bị	Tấm thử dạng Bowie - Dick không chứa chỉ với độ an toàn cao tuân theo tiêu chuẩn chất lượng nhằm kiểm tra chất lượng lò hấp tiệt trùng hút chân không hoặc tương đương. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	3			Miếng	300		
244	Túi dẫn lưu nước tiểu 2000ml	Túi dẫn lưu nước tiểu 2000ml. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	7.000		
245	Túi đựng bệnh phẩm nội soi 12x17cm vô trùng	Túi đựng bệnh phẩm nội soi 12x17cm, vô trùng. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	200		
246	Túi ép tiệt trùng đẹp 300mm x 200m	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film. Lớp giấy 60gsm, có độ bền cơ học cao, đảm bảo vi khuẩn không xâm nhập sau 1 lần tiệt trùng. Màng film hai lớp: PET dày khoảng 12 µm và CPP dày khoảng 40 µm. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	5			Cuộn	40		
247	Túi ép tiệt trùng loại đẹp 150mm x 200m	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film. Lớp giấy 60gsm, có độ bền cơ học cao, đảm bảo vi khuẩn không xâm nhập sau 1 lần tiệt trùng. Màng film hai lớp: PET dày khoảng 12 µm và CPP dày khoảng 40 µm	5			Cuộn	20		
248	Túi ép tiệt trùng loại đẹp 200mm x 200m	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film. Lớp giấy 60gsm, có độ bền cơ học cao, đảm bảo vi khuẩn không xâm nhập sau 1 lần tiệt trùng. Màng film hai lớp: PET dày khoảng 12 µm và CPP dày khoảng 40 µm. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	5			Cuộn	80		
249	Túi ép tiệt trùng loại đẹp 75mm x 200m	Chất liệu: Giấy y tế (Medical Kraft paper) màu trắng, không mùi, không độc, không to sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP, chịu nhiệt 121 -140 độC. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	5			Cuộn	10		
250	Túi máu ba 250ml (có cổng chân không (vacuum) lấy mẫu)	Túi máu ba 250 ml, túi máu ba gồm 3 túi máu đơn được kết nối với nhau thành một hệ thống vô trùng. - Túi 1 có dung tích 250 ml chứa dung dịch chống đông; - Túi 2 có dung tích 250 ml. - Túi 3 có dung tích 250 ml chứa dung dịch chống đông SAG-M. - Chiều dài dây nối giữa các túi khoảng: 295 mm; - Kim lấy máu có phủ silicone 2 lớp, siêu nhẵn - Góc túi tròn, có các lỗ rìa túi để treo túi, - Có cổng chân không lấy mẫu, Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	4			Túi	3.500		
251	Túi máu ba 350 ml	Bao gồm 03 túi, thể tích 350ml và chiều cao bên trong túi có kích thước 160±5mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Túi	250		
252	Túi máu đơn 250 ml	Thể tích 250ml và chiều cao bên trong túi có kích thước 130±5mm. Túi có 35ml dung dịch chống đông. Ống dây nhận máu: dài khoảng 980 mm, đường kính ngoài khoảng 4,4mm và đường kính trong khoảng 3mm. Có kẹp dây - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Túi	100		
253	Túi trữ khí Oxy	Thể tích 42 Lit. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	40		
254	Urgo Derm	Kích thước: 10cm x 10m. Sợi polyester nền không đan dệt, thông thoáng, co giãn, phủ keo acrylic. Có kiểm tra vi sinh. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	4			Cuộn	50		
255	Vật liệu cầm máu Merocel hoặc tương đương	Miếng cầm máu mũi KT 80 x 20 x 15mm loại có dây, được nén ép trong túi tiệt trùng, có thể cắt định hình theo nhu cầu thực tế. Chất liệu PVA (polyvinylacetat). Sử dụng trong phẫu thuật mũi xoang, hốc mũi với tốc độ cầm máu nhanh, thấm hút tốt có thể lên tới trên 20 lần trong vòng ban đầu. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	3			Miếng	100		
256	Vật liệu cầm máu Surgicel hoặc tương đương	Gạc cầm máu KT 10 x 20cm được sản xuất từ 100% oxy hóa cellulose tái sinh (100% oxidized regenerated cellulose) có nguồn gốc thực vật. Cầm máu nhanh, hiệu quả phù hợp sử dụng trong các phẫu thuật khác nhau. Có thể cắt định hình theo nhu cầu sử dụng. Hấp thu hoàn toàn 2-3 tuần. Đóng gói tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Miếng	200		
257	Vật liệu nút mạch hạt nhựa PVA	Hạt nút mạch Embosphere Color Advanced Microspheres, 2ml. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương	3			Miếng/t hộp/lo	5		
258	Vật liệu xếp cầm máu tự tiêu	Miếng cầm máu bằng gelatin dạng bột xốp màu trắng tiệt trùng, không tan 7x5x1cm. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	3			Miếng	600		
259	Vòng đeo tay bệnh nhân các cỡ, các màu	Vòng đeo tay có băng tên dành cho bệnh nhân	6			Cái	15.000		
260	Vòng tránh thai	Dụng cụ vô trùng đặt vào tử cung để tránh thai, hình chữ T bằng nhựa dẻo, có ống đồng khoảng 66.5 mg (ở 2 nhánh ngang và nhánh dọc), có dây có cuối nhánh dọc giúp lấy ra dễ dàng, có thước đo và ống đặt. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cái	250		
	Nhóm vật tư tiêu hao và thay thế các kỹ thuật chuyên khoa								
	Vật tư chuyên khoa Mắt								
261	Dao mổ Phaco 15 độ	Chất liệu: Thép không gỉ. Tạo độ mở rộng 15 độ, góc tạo độ sâu từ 3-5mm. Tay cầm nhựa. Đóng gói: trong túi tiệt trùng vô khuẩn. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	3			Cái	100		
262	Dao mổ Phaco 2.85mm	Lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, không gây chói. - Tay cầm nhựa - Kích thước 2.85mm. Có nắp an toàn bảo vệ. - Hàng hoá đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 tương đương	3			Cái	100		
263	Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật đục thủy tinh thể	Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật mắt Curagen 2%, 2ml. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Hộp	300		
264	Dung dịch nhuộm bao nhãn khoa	Thành phần có trypan blue 0.06% kết hợp với Natri chlorid và dung dịch đệm, đóng gói trong lọ vô khuẩn, dung tích 1 ml. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Lọ	200		
265	Miếng dán mi lớn	Băng film trong vô trùng cố định kim luồn TM trung tâm. * Băng dính - ôm sát vào da. Co giãn theo chuyển động của da. * Đóng gói vô trùng riêng từng miếng	3			Miếng	300		

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
266	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu cụ kèm dụng cụ đặt nhân	Thủy tinh thể đặt sẵn trong cartridge - Thủy tinh thể nhân tạo mềm chất liệu hydrophobic acrylic - Thủy tinh thể lọc ánh sáng xanh và lọc tia cực tím - Thiết kế 4 cánh - Tổng chiều dài kính: khoảng từ 10,75mm đến 11,00mm - Đường kính Optic: khoảng từ 5,75mm đến 6,00mm - Chỉ số khúc xạ khoảng $\approx 1,52$; - Chỉ số Abbe: khoảng ≈ 42 - Cung cấp kèm dụng cụ đặt nhân - Công suất khoảng: từ -10D đến 35D - Hàng hóa đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 hoặc tương đương	3			Cái	300		
	Vật tư răng hàm mặt								
267	Chỉ thép dk 0,2-0,4 mm	Chỉ thép mềm, đường kính 0,2-0,4mm chiều dài 5m. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cuộn	5		
268	Chổi đánh bóng	Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			cái	1.500		
269	Cọ quét keo	Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			cái	1.500		
270	Côn trám bít ống tủy nha khoa	Côn trám bít ống tủy nha khoa: Gutta Percha (hoặc tương đương). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Ống	6.000		
271	Dụng cụ nong giữa ống tủy bằng tay	Dụng cụ nong giữa ống tủy trong điều trị nội nha bằng tay - Chất liệu: thép không gỉ. - Kích thước: chiều dài làm việc từ 18 đến 25mm. - Cấu tạo: nhiều gai nhiều kích cỡ đường kính từ 0.01-0.03mm - Thích hợp với chu trình tiết khuẩn khô hoặc hơi nước (nhiệt độ cao ở 132-134 độ). Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	6			Cây	600		
272	Dụng cụ tạo hình và vệ sinh ống tủy các cỡ	Dụng cụ tạo hình và vệ sinh ống tủy, Tay cầm bằng nhựa, lõi thép không gỉ. Reamer (hoặc tương đương) các cỡ, chiều dài 21mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cây	300		
273	Kim đưa chất hàn răng vào ống tủy (Lentulo hoặc tương đương) các cỡ	Lentulo các cỡ, chiều dài 21/25mm (Kim đưa chất hàn răng vào ống tủy dài 25mm). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cây	240		
274	Kim nha khoa 27G	Răng khóa được thiết kế chắc chắn khi vặn kim vào. Kim sắc bén, nhọn, chiều dài từ 21/30mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	4.000		
275	Kim thăm dò (C-File hoặc tương đương)	C-File các cỡ chiều dài 25mm (Kim thăm dò). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Cây	240		
276	Mũi cắt xương (cắt răng khôn)	Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			cây	80		
277	Mũi khoan nha khoa (tròn, trụ, ngọn lửa)	Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			cây	150		
278	Mũi nong tủy các cỡ	Tay cầm bằng nhựa, lõi thép không gỉ, dài 18-25mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cây	720		
279	Trâm gai trắng/vàng/xanh	Vật liệu nối nha bằng thép không gỉ, mềm, dẻo dai, độ nhám cao, chịu nhiệt cao, dễ tiết khuẩn, nhiều màu, nhiều kích cỡ. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cây	2.000		
	Vật tư lọc máu								
280	Bộ dây lọc máu các loại, các cỡ	Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Bộ	600		
281	Quả lọc, màng lọc máu định kỳ (thận nhân tạo HDF- Online) các loại các cỡ	1 bộ/túi; Diện tích màng: 1,8m ² . - Nguyên liệu: Polyethersulfone. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Bộ	600		
282	Bộ dây lọc máu thận nhân tạo	Bộ dây lọc máu thận nhân tạo, có 3 đầu đo: áp lực tĩnh mạch (PV), áp lực động mạch (PA), áp lực trước màng (PBE). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Bộ	4.200		
283	Bộ quả lọc máu liên tục có gắn Heparin	Bề mặt quả lọc được xử lý và gắn polyethyleneimine, đây là lớp mang điện + và gắn lớp heparin. Màng lọc được phủ trước lớp heparin giảm thiểu đông máu. Sử dụng phù hợp máy Prismaflex hiện có tại bệnh viện. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Bộ	10		
284	Bộ quả siêu lọc huyết tương	Quả lọc trao đổi huyết tương kết nối sẵn với bộ dây dẫn, sử dụng được với máy Prismaflex/Gambro hiện có tại bệnh viện - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: 127 ml $\pm 10\%$ - Diện tích màng hiệu dụng: 0,35 m ² - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Bộ	8		
285	Bộ quả siêu lọc máu dùng cho người lớn	Bộ quả lọc máu liên tục kèm dây máu cho người lớn, sử dụng được với máy Prismaflex/Gambro hiện có tại bệnh viện Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: Chất liệu: - Sợi lọc: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG - Tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Bộ	120		
286	Bộ quả siêu lọc máu dùng cho trẻ em	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn. Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn. - Diện tích màng hiệu dụng: 0,6 m ² - Tốc độ máu: 50 -180 ml / phút - Sử dụng phù hợp máy Prismaflex hiện có tại bệnh viện Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1			Bộ	10		
287	Kim lọc thận nhân tạo 16G	Kim động tĩnh mạch 16G, kích cỡ: 1,5mm x25mm x300mm, cánh bướm xoay được, có khóa cài, đầu nối Luer-lock. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Cái	50.000		
288	Màng lọc dịch thận nhân tạo Diasafe Plus hoặc tương đương	Diện tích màng khoảng 2,2m ² . Chất liệu màng Polysulfone, chất liệu vỏ quả lọc Polypropylen, chất liệu đầu quả lọc Polyurethane. Tác dụng tạo dịch lọc máu siêu sạch. ONLINE tạo dịch bù cho phương pháp HF và HDF. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Quả	12		
289	Quả lọc hấp phụ	Vật liệu vỏ: PC - Vật liệu hấp phụ: Resin trung tính phổ rộng bản chất là chất đồng trùng hợp Styrene divinyl Benzen được Crosslinking 2 lần. - Vật liệu màng bọc hạt hấp phụ: Collodion - Phương thức khử trùng: Tia Gamma - Nguồn nhiệt: Không pyrogen - Thể tích hấp phụ: 130ml - Thể tích khoang máu 114ml - Diện tích hấp phụ: 52.000m ² - Lưu lượng máu tối đa: 200 - 250ml/ phút - Áp suất chịu đựng: $\leq 1000kPa$ - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	2			Bộ	650		
290	Quả lọc thận 1.6m2	Diện tích màng: 1,6m ² . - Nguyên liệu: Polyethersulfone. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6			Bộ	4.200		
291	Quả lọc thận trẻ em	Diện tích bề mặt cỡ: 0.8m ² hoặc 0.9 m ² . Tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương	6			Bộ	120		

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
292	Túi đựng dịch thải 5 lít	Được dùng để thu thập dịch thải trong khi thực hiện CRRT. Được trang bị đầu nối female Luer ở bên trong túi và ống để làm nơi dẫn lưu. Chất liệu: PVC, Thể tích: 5L, Tương thích với máy Prismaflex hiện có của bệnh viện. Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	3			Cái	20		
	Vật tư sử dụng chạy ECMO								
293	Phổi nhân tạo dùng cho trẻ em <20kg, bề mặt bên trong phủ hợp chất sinh học Balance gốc hydrophilic có tác dụng chống đông máu .	Bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoại cơ thể, diện tích màng trao đổi 0.67m2, lưu lượng máu trao đổi 0.1 -> 2 lít/phút. Tương thích với HỆ THỐNG TRAO ĐỔI OXY NGOÀI CƠ THỂ (MÁY ECMO)(Model: Bio-Console 560BC1 Speed Controllers, Hãng: Medtronic Perfusion Systems) đang sử dụng tại bệnh viện. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Cái	5		
294	Phổi nhân tạo dùng cho người lớn >40kg, bề mặt bên trong phủ hợp chất sinh học Trillium gốc hydrophilic có tác dụng chống đông máu	Bề mặt bên trong phủ hợp chất sinh học trillium gốc hydrophilic, có 3 màng lọc, van điều tiết áp lực âm/ dương, lưu lượng máu trao đổi 1-7lít/phút, áp lực trao đổi nước tối đa 30psi, diện tích bề mặt màng trao đổi khí 2.5m2, thể tích 4000ml. Tương thích với HỆ THỐNG TRAO ĐỔI OXY NGOÀI CƠ THỂ (MÁY ECMO)(Model: Bio-Console 560BC1 Speed Controllers, Hãng: Medtronic Perfusion Systems) đang sử dụng tại bệnh viện. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Cái	5		
295	Phổi nhân tạo cho bệnh nhân trên 40 kg có tích hợp lọc động mạch Affinity Fusion.	Bộ phổi nhân tạo với thể tích bình chứa máu 4.500ml, có van điều tiết áp lực âm/dương và vạch cảnh báo thể tích thấp nhất, Lưu lượng máu trao đổi 1 - 7 Lít/phút. Áp lực trao đổi nước tối đa 30psi. Diện tích bề mặt màng trao đổi khí 2,5m2. Tương thích với HỆ THỐNG TRAO ĐỔI OXY NGOÀI CƠ THỂ (MÁY ECMO)(Model: Bio-Console 560BC1 Speed Controllers, Hãng: Medtronic Perfusion Systems) đang sử dụng tại bệnh viện. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Cái	5		
296	Bộ dây phổi nhân tạo tuần hoàn ngoại cơ thể		6			Cái	20		
297	Cannula ECMO tĩnh mạch 1 nòng các cỡ	Phủ chất chống đông máu Bioline- Thời gian sử dụng lên đến 30 ngày khi dùng với bộ phổi HLS hoặc PLS- Bộ gồm cannula, dụng cụ đặt, dây hỗ trợ cố định ống, miếng dán cố định bằng nhựa- Các cỡ đường kính từ 19Fr đến 29Fr, chiều dài 38cm hay 55cm- Chất liệu của các chi tiết o Cannula: polyurethane (PUR), thép không rỉ Dụng cụ đặt: polypropylene (PP), không chứa phthalate, polyvinyl chloride (PVC-P) dẻo với BaSO4, không chứa DEHP- Tiệt khuẩn- Tiêu chuẩn ISO/CE	4			Cái	15		
298	Canuyn động mạch ECMO	Phủ chất chống đông máu Bioline- Thời gian sử dụng lên đến 30 ngày khi dùng với bộ phổi HLS hoặc PLS- Bộ gồm cannula, dụng cụ đặt, dây hỗ trợ cố định, miếng dán cố định bằng nhựa- Các cỡ đường kính từ 15Fr đến 23Fr, chiều dài 15cm hay 23cm- Chất liệu của các chi tiết o Cannula: polyurethane (PUR), thép không rỉ Dụng cụ đặt: polypropylene (PP), không chứa phthalate, polyvinyl chloride (PVC-P) dẻo với BaSO4, không chứa DEHP- Tiệt khuẩn- Tiêu chuẩn ISO/CE	3			Cái	15		
	VẬT TƯ TIÊU HÓA, TIẾT NIỆU, MẠCH MÁU								
299	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Đầu thắt bao gồm 6 vòng dây thun lắp sẵn vào 1 đầu silicone mềm, tương thích đường kính ngoài ống soi 9-11 mm, cấu trúc 1 hoặc 2 sợi kéo. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Bộ	30		
300	Băng dán (Băng ghim) khâu cắt nối thẳng các cỡ dùng trong mổ mở	Băng dán (ghim khâu) khâu cắt nối thẳng dùng trong phẫu thuật mở mổ các cỡ 60mm, 80mm, chiều cao ghim khoảng 3.8mm và 4.8mm, Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	1			Cái	200		
301	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ mở	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng trong phẫu thuật mở mổ, gồm một tay súng 60mm, 80mm dùng với băng ghim tương ứng dài 60mm, 80mm. Chiều cao ghim từ 3,8mm- 4,8mm.Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	1			Cái	20		
302	Băng ghim dùng cho dụng cụ cắt nối thẳng trong phẫu thuật nội soi, các số	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi đa năng 45mm/60mm làm bằng chất liệu titanium với 6 hàng ghim, chiều cao ghim đóng các cỡ 1mm; 1.5mm; 2mm. hoặc tương đương. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	3			Cái	200		
303	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng trong phẫu thuật nội soi	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi gấp góc, 45/60mm, đường kính cán 12mm, gấp góc mỗi bên 45 độ, hãm đe bằng thép, lưỡi dao hình chữ C làm bằng thép, độ mở hãm 22mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	2			Bộ	20		
304	Dụng cụ (máy) cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Longo (bao gồm cả vòng/ băng ghim khâu kèm theo)	Dụng cụ khâu cắt nối theo phương pháp Longo, Đường kính 33mm, 32 ghim titanium, Chiều cao ghim khoảng 3.5mm và 4.8mm. Đầu đe rời, ống soi trong suốt, có chia vạch. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1			Bộ	20		
305	Dụng cụ khâu nối ruột tự động loại tròn	Dụng cụ khâu cắt nối ruột, thực quản tự động, đường kính 21mm, 25mm, 28mm,31mm, 33mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	2			Bộ	30		
306	Bộ đốt laser nội mạch	Bộ dụng cụ đốt laser nội mạch gồm sợi quang, bề mặt lõi hình cầu, kim 21G, cây nong 4Fr dài 10cm, dây dẫn 45cm. Sử dụng tương thích với máy Venacure 1470 hiện có của bệnh viện. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Bộ	5		
307	Bộ mở băng quang ra da qua nội soi có ống thông	Bộ mở băng quang ra da bao gồm: dao rạch; trocar bằng nhựa; kim đâm và ống foley silicone có sợi cán quang, không có đầu tip, 2 nhánh các size 12-18 Fr. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Bộ	10		
308	Rọ lấy sỏi	Dùng để gấp và lấy sỏi trong quá trình phẫu thuật nội soi tiết niệu. Kích cỡ 1.9Fr, dài 130cm, chất liệu Nitinol chống xoắn. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Cái	50		
309	Bộ nong thận dùng cho tán sỏi qua da	Size 8,10,12,14,16,18 Fr; 1 sheath, size 18 Fr; 1 dây dẫn, 0.035inch 45cm,80cm,100cm; 2 kim chọc 18G.Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Bộ	30		
310	Ống soi mềm	Dùng để hỗ trợ phẫu thuật nội soi trong việc điều trị sỏi tiết niệu kết hợp với các vật tư và phụ kiện như sợi truyền quang.. Kênh làm việc 3,6 Fr, trường nhìn 90 độ, chiều dài 650mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	2			Cái	20		
311	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản (Hydrophilic)	Dùng trong phẫu thuật nội soi tiết niệu, thiết lập đường dẫn. Kích cỡ 0.035", dài 150cm, chất liệu NITIOL chống xoắn. Tip đầu thẳng. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4			Cái	50		
312	Dụng cụ cố định lưới thoát vị	Dụng cụ cố định lưới thoát vị gồm ≥30 ghim hình xoắn ốc. Chất liệu Titanium hoặc hợp kim titan. Chiều cao ghim khoảng 3.8mm, đường kính ghim 4mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Cái	5		
313	Lưới điều trị thoát vị 15 x 10cm	Chất liệu Polypropylen đơn sợi, phủ Titanium dioxide. Kích thước mắt lưới lớn khoảng 2.8mm.Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Miếng	10		
314	Lưới điều trị thoát vị 15 x 15cm	Mảnh ghép Prolene mesh dùng trong thoát vị 15 x 15 cm, Thành phần: sợi polypropylene không tiêu. Kích thước lỗ lưới < 1 mm. Trọng lượng: > 95g/m2. Chiều dày: khoảng 0,5mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Miếng	50		
315	Tay dao siêu âm	Tay dao mổ nội soi/ tay dao mổ mở dài cỡ 13cm, 26cm, 39cm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Cái	15		
316	Clip Kẹp mạch máu titanium các cỡ.	Chất liệu titanium. Tương thích với cân clip nội soi EL314 của bệnh viện đang sử dụng.Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	3			Cái	720		
317	Kẹp mạch máu	Clip mạch máu; Chất liệu: Polymer, Cấu tạo gai sọc thân clip chống trượt, có khoá an toàn; Clip kẹp mạch máu các cỡ từ 3-10mm, 5-13mm và 7-16mm. Hỗ trợ lắp đặt cân clip. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Cái	720		
	BỘ TACE								

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
318	Dụng cụ mở đường động mạch đùi các cỡ (TACE)	Cấu tạo : Có đầu để truyền dịch.Van ngăn máu trào ngược Kích cỡ : Kích thước ống đẩy đủ các cỡ: 4Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr, 9Fr, 10Fr, 11Fr. Chiều dài ống bọc: 7cm, 10cm và 25cm. Kích cỡ dây dẫn: Các cỡ 0.025", 0.035", 0.038". Đạt chứng nhận ISO 13485 hoặc tương đương	3			Cái	20		
319	Vi ống thông can thiệp dùng trong can thiệp mạch tạng (TACE)	Thông số kỹ thuật: * Cấu tạo: thân ống đoạn xa có 3 lớp - Lớp trong: phủ lớp PTFE - Lớp giữa: là lớp cuộn chất liệu Tungsten tăng tính cản quang - Lớp ngoài: phủ lớp ái nước M coat * Kích thước: - Đường kính : 2.7Fr - Chiều dài: 130 cm hoặc 150 cm * Dây dẫn đi kèm cỡ 0.021". Lớp áo Hydrophilic M coat; lõi bằng hợp kim Nitinol siêu đàn hồi <u>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</u>	3			Bộ	20		
320	Dụng cụ dẫn đường Guide Wire M dùng trong can thiệp mạch (TACE)	Thông số kỹ thuật: * Cấu tạo: - Lõi là vật liệu Nitinol, hợp kim siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cản quang bằng lớp Tungsten. - Lớp phủ ái nước M coat. * Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, góc 45 độ hoặc hình chữ J (Straight, Angled, J-Curve) * Kích thước: - Chiều dài: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm, 5 cm, 8 cm - Đường kính: 0.035" <u>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</u>	3				20		
321	Catheter chẩn đoán (Ống thông can thiệp 3D ái nước dùng trong can thiệp gan TACE)	Cấu tạo:Cấu trúc 3 lớp : lớp đan kép ở giữa, lớp trong và ngoài là polyurethan - rich nylon Kích thước: cỡ 5F ,dài 70cm Công dụng: Đưa tới các cơ quan ngoại biên não, gan từ cung, thận, phổi... để bơm thuốc cản quang chụp mạch <u>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</u>	3			Bộ	20		
	VT sử dụng trong can thiệp tim, mạch								
322	Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi	Bộ dụng cụ mở đường đùi, chất liệu Polypropylene, mềm dẻo _ Đủ các cỡ 5F; 6F; 7F; 8F dài 11cm _ Có Guidewire kèm (làm bằng thép không gỉ), đường kính 0.035", 0.038", dài 45cm. _ Kèm theo kim chọc mạch 18Gx7cm _ Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	3			Bộ	250		
323	Dụng cụ thông tim và chụp động mạch vành	Thông số kỹ thuật : Có các Type: * đầu cong , dài 100cm , loại 4Fr và 5Fr * dài 110cm và 80cm loại 4Fr và 5Fr * dài 100cm và 20cm và 30cm ,loại 4Fr và 5Fr hoặc <u>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</u>	3			Cái	50		
324	Dụng cụ mở đường động mạch đùi Prelude (Sheath Introducer) các cỡ	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi các cỡ Loại 4 đến 9 FR, độ dài là 11cm, 16cm và 24cm. <u>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</u>	3			Bộ	300		
325	Bộ hút huyết khối mạch vành 6F, 7F	Dùng được cho hệ thống mạch chính và mạch ngoại biên, bao gồm cả những chỗ ghép tĩnh mạch nối. - Đường kính trong lòng loại 6F là 0.041", loại 7F là 0.053". - Tổng chiều dài 145cm. Đoạn Rx 25cm. - Lớp phủ Hydrophilic ở phần thân xa của catheter là 25cm. - Một bộ tiêu chuẩn gồm: 1 catheter hút huyết khối 6F hoặc 7F; 1 dây thăm dò cứng; 1 ống tiêm hút 60ml; 2 giỏ lọc; 1 dây nối van khóa với 1 hương. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	3			Cái	15		
326	Bộ kết nối Manifolds đi kèm bơm tiêm, dây truyền dịch	Bộ kết nối Manifold chất liệu Polycarbonate, áp lực truyền 500 PSI có 3 cổng phù hợp với các mục đích sử dụng khác nhau. Cổng xoay phải On hoặc trái Off _ 1 ống tiêm 12ml cổng luer lock hoặc dạng xoay _ 2 dây truyền dịch 180cm có bình nhỏ giọt _ 1 dây nối áp lực 120cm, áp lực truyền 500 PSI <u>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</u>	3			Cái	400		
327	Bơm áp lực cao trong chụp buồng tim mạch các loại, các cỡ	Dung tích: 20ml, Áp lực 30atm, 40atm _ Chất liệu Polycarbonate, chịu được áp lực tốt. _ Mặt đóng hồ áp lực gấp góc, phát quang, dây áp lực cao kích thước 12", áp lực lên đến 1200psi _ Bộ kết nối chữ Y dạng Push-click, có áp lực lên đến 1200 psi. _ Bộ bơm bóng gồm: kết nối chữ Y, khóa 3 chạc, dây mở rộng 25cm, dụng cụ chèn 21G, torquer 0.014"/0.035". _ Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương	3			Cái	150		
328	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Đường kính bóng: từ 1.75 - 5 mm. Chiều dài bóng: khoảng từ 8-18 mm. Áp lực thường: ≥12 atm. Áp lực gây vỡ bóng: ≥18 atm. <u>Đạt chứng nhận chất lượng: ISO 13485, CE, hoặc tương đương</u>	3			Cái	50		
329	Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel	Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc paclitaxel marker nam bằng hợp chất Tungsten và polymer, tăng độ cản quang. Dùng cho đoạn dưới gối: Đường kính từ: 1,5-7,0 mm, Độ dài từ: 20-200 mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương	3			Cái	50		
330	Bóng nong mạch ngoại vi	Dùng can thiệp mạch chi - Đường kính bóng: 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 8.0, 9.0 10.0 mm - Chiều dài từ: 20-250 mm - Áp lực bóng từ: 4 đến 16 atm. Sử dụng phù hợp trên nhiều loại độ dài catheter sử dụng: 45; 80; 120; 135; 140; 150cm và trên dây dẫn: 0.014; 0.018; 0.035" _ Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485, hoặc tương đương	3			Cái	40		
331	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi	Thiết kế WIG SHAPE từ đầu tip đến bóng , Phủ Hydrophilic. Đầu tip 3 mm kháng xoắn, thuận nhẹn theo từng cấp độ. Bề mặt lượn sóng, gấp nếp. Bơm xả được nhiều lần Khấu kinh qua tổn thương nhỏ 0.016"(0.40 mm). Đầu gắn bóng 0.025" (0.63 mm). Đầu xa bóng 0.023" (0.58 mm). NP 6 bar. RBP 16 bar. Thân gần 1.9F (0.64 mm), thân xa 2.6F (0.86 mm) _ Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương	3			Cái	100		

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
332	Bóng nong mạch vành chất liệu Modified Polyamide	- Chất liệu bóng Modified Polyamide. - Chất liệu phản thân gần PTFE phủ Hypo-Tube, đường kính 1.9F. - Chất liệu phản thân xa Polyamide, đường kính 2.7F. - Luer trong suốt, thân kháng xoắn. - NP 9 bar. RBP 16 bar. Guiding 5F. - Khẩu kính đầu vào tổn thương 0.41mm. - Khẩu kính băng qua tổn thương 0,64mm. Guide wire 0.014". - Chiều dài khả dụng 143cm. Chiều dài GW-Lumen 27cm. - Đường kính bóng 1.50mm (chiều dài bóng 15, 20mm). Đường kính bóng 2.00, 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.50, 4.00mm (chiều dài bóng 12, 15, 20, 30mm). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương	3			Cái	100		
333	Bóng nong mạch vành có tẩm thuốc	- Bóng nong mạch vành có tẩm thuốc: - Bóng phủ thuốc Paclitaxel (3.0µg/mm²). - Thuốc Paclitaxel được hấp thu trên chất liệu Shellac, giải phóng thuốc khi bóng nở ra tạo áp lực giải phóng thuốc vào mạch - Tương thích dây dẫn 0.018", 0.035"- Loại hệ thống ống thông: OWT- Đủ kích thước khác nhau: đường kính 2,0;2,25;2,5; 2,75; 3,0; 3,5; 4,0 mm; chiều dài: 15 mm, 20 mm, 25 mm, 30mm- Áp suất bình thường 6atm- Áp lực vỡ bóng 16atm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương	5			Cái	30		
334	Bóng nong mạch vành không giãn nở, thành bóng mỏng chịu áp lực cao	- Bóng nong mạch vành có phủ lớp ải nước (đối với bóng có đường kính từ 1.5-2.5 mm). - Thiết kế đầu tip thuận dãi. - Bóng không giãn nở, thành bóng mỏng chịu được áp lực cao. - RBP là 21 atm. - Đường kính bóng: 1.5mm có chiều dài 6, 10, 15, 20mm; đường kính bóng 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5 mm có chiều dài 6, 10, 15, 20, 25, 30mm. Tương thích ống thông can thiệp tối thiểu 5F. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương	3			Cái	60		
335	Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao 35 atm thành bóng 2 lớp	- Dùng trong các trường hợp nong lại tổn thương bị vỡ hóa nặng. - Bóng có độ giãn nở về đường kính thấp nhất trong phạm vi áp lực lớn nhất so với các bóng PTCA. - RBP 35 atm. - Cấu trúc bóng kép (2 lớp) có độ đàn hồi tuyến tính, không gây hiện tượng dog-boning. 2 marker Platinum. - Khẩu kính đầu vào sang thương 0.016". - Khẩu kính băng qua sang thương 0.028". - Tương thích ống thông can thiệp tối thiểu 6F đối với đường kính 1.5 - 3.5mm; 7F đối với đường kính 4.0, 4.5mm. - Đường kính 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5mm; dài 10, 15, 20mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương	3			Bộ	70		
336	Dây dẫn (vi dây dẫn) can thiệp mềm	- Dây dẫn đa lõi theo công nghệ ACT ONE (thiết kế vòng xoắn kép) tăng độ bền đầu tip, khả năng phản hồi momen xoắn và chống giật. - Dây dẫn đơn lõi one-piece core. - Lớp phủ: silicon hoặc SLIP-COAT. - Tip load: 0.5 gf, 0.7gf, 0.8 gf. - Đầu tip: straight, J. - Đường kính: 0.014 inch. Chiều dài: 180 cm / 150, 165 cm (extension wire). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương	2			Cái	200		
337	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên đường kính 0.014"	- Chất liệu trục: Scitanium. - Lớp phủ: ICE ải nước được phủ trên 8cm và 12cm đầu xa, đảm bảo độ cứng chắc và trơn láng, có thể qua được các tổn thương khúc khuỷu. - Đường kính: 0.014". - Chiều dài: 182cm và 300cm. - Loại đầu tip: Straight và Angled. (Đầu tip cân quang cho hình ảnh rõ nét hơn). - Tip load: 3gr, 6gr. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương	2			Bộ	15		
338	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên đường kính 0.018"	- Dây dẫn có tip load từ 1.0 g đến 40 g, đầu tip nhọn hoặc tù - Đường kính dây đủ các cỡ 0.014inch, 0.018inch - Dây dẫn đơn lõi one-piece core. - Dây dẫn đa lõi theo công nghệ ACT ONE tăng khả năng truyền moment xoắn và độ bền đầu tip cao. - Chiều dài dây đủ các kích thước 180, 190, 200cm, 235cm, 300cm (Gladius, Halberd, Gaia PV) - Chiều dài các cỡ 180, 190, 200, 300cm - Lớp phủ: hydrophilic/hydrophilic trên nền polymer. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương	2			Bộ	15		
339	Dây dẫn can thiệp mạch vành tổn thương tái phát mãn tính	- Dây dẫn có tip load từ 1.0 g đến 40 g, đầu tip nhọn hoặc tù - Dây đủ Đường kính dây cỡ 0.014inch, Đường kính dây cỡ 0.018inch - Dây đủ cỡ dây: Dây dẫn đơn lõi one-piece core, Dây dẫn đa lõi theo công nghệ ACT ONE tăng khả năng truyền moment xoắn và độ bền đầu tip cao. - Chiều dài đầu đủ các cỡ khoảng 180, 190, 200cm, 235cm, 300cm - Lớp phủ: hydrophilic/hydrophilic trên nền polymer. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương	2			Bộ	10		
340	Dây dẫn chẩn đoán	- Dây dẫn chẩn đoán mạch vành và mạch máu ngoại Vi dạng Starter Guidewire. Với hệ thống 0.018", 0.025", 0.028", 0.032", 0.035", 0.038" và các chiều dài khác nhau 80cm, 125cm, 150cm, 180cm, 260cm. Phủ PTFE, đầu tip J, JFS, thẳng, hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương	3			Bộ	50		
341	Dây dẫn đường có lớp ải nước phủ M Coat, lõi Nitinol, chiều dài 150cm, 180cm, 200cm.	- Mô tả: Dây dẫn chụp mạch vành phủ lớp ải nước phủ M Coat, lõi Nitinol, - Kích cỡ: đường kính 0.025", 0.035", 0.038", đầu cong, đầu chữ J, đầu thẳng. Dài các cỡ khoảng 150cm, 180cm, 200cm. - Chất liệu: cấu tạo bởi vật liệu có tính đàn hồi - Tiêu chuẩn kỹ thuật: đầu tip siêu mềm dẻo, linh hoạt, độ trơn hoàn hảo. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương	3			Cái	100		
342	Dụng cụ dẫn đường Guide Wire M (Dây dẫn ống thông loại M dùng trong can thiệp mạch)	- Cấu tạo dây: Phủ lớp ải nước M Coating, Lõi là chất liệu Nitinol, Lớp áo phủ Polyurethane can quang. Thông số kỹ thuật -Đường kính ngoài: 0.018"-0.025"-0.032"-0.035"-0.038". Đầu có các dạng: đầu cong, đầu thẳng, đầu cong dạng chữ J. Chiều dài đầu linh hoạt: 3cm-5cm-8cm. Dài dây dẫn: 80cm-120cm-150cm-180cm-220cm-260cm-300cm-400cm-450cm. Dạng dây dẫn thông dụng: Đường kính đầu 0.035", đầu cong/ thẳng dài 150cm và 260cm, hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương	3			Cái	300		
343	Dụng cụ mở đường vào cầm máu có chốt khóa	Dụng cụ mở đường vào cầm máu có chốt khóa. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Cái	50		

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
344	Giá đỡ (Stent) động mạch thận	Stent bụng bằng bóng. Vật liệu làm bằng Cobalt Chromium. Thanh stent dày: $\leq 130\mu\text{m}$ (ø 4.5 - 5.0 mm); $\leq 150\mu\text{m}$ (ø 6.0 - 7.0 mm). Catheter dài 80-140cm. Tương thích wire 0.014". Có 1 vòng marker trên một đầu stent giúp định vị stent dễ dàng. Độ kích thước khác nhau: đường kính: 4.5-7.0 mm và chiều dài: 12-19 mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương	3			Cái	2		
345	Kim chọc mạch quay, mạch đùi	Kim chọc mạch quay, mạch đùi - Vật liệu làm bằng thép không gỉ. - Kích thước dây đủ các cỡ: 18G, 19G, 20G, 21G - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương	3			Cái	300		
346	Ống thông can thiệp CTO	Ví ống thông với thiết kế đa dạng hỗ trợ đi qua tổn thương phức tạp và CTO. Thiết kế ống Shinka với lớp ngoài được bên từ 10 dây dẫn & lớp trong bên từ tungsten - Thiết kế ống bằng stainless steel coil (Tornus) cho phép xoay ống thông & hỗ trợ tốt lực đẩy, phản hồi momen xoắn. - Đầu tip thuận nhọn cân quang. - Chiều dài khả dụng: 135; 150 cm hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương	4			Cái	5		
347	Ống thông chẩn đoán (catheter), đường kính 5F-6F, chiều dài 100cm.	Mô tả: Ống thông chụp mạch vành có cấu trúc lưới kép. - Kích cỡ: 5F-6F, dạng JR, JL..., chiều dài 100cm. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: chống xoắn. Thành mỏng, tạo chu vi lòng rộng. Tương thích guidewire 0.038. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương	3			Cái	150		
348	Ống thông chẩn đoán mạch quay đa năng chụp được trái và phải, đường kính 5F-6F, chiều dài 100cm.	Mô tả: ống thông chụp mạch vành đường quay - Kích cỡ: đường kính cỡ 5F-6F, chiều dài khoảng 100cm. - Chất liệu: cấu trúc bởi nhiều sợi Polyamide. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: tương thích 0.038GW Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3			Cái	200		
349	Ống thông chẩn đoán tim đa năng (catheter) dạng đuôi, đường kính 5F, chiều dài 110cm.	Mô tả: Ống thông chẩn đoán tim có cấu trúc lưới kép. - Kích cỡ: đường kính 5F, dài 110cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật: chống xoắn. Thành cực mỏng, tạo chu vi lòng rộng. Tương thích guidewire 0.038. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương	3			Cái	15		
350	Ống thông chụp động mạch vành trái/phải	Chất liệu Nylon bền, mật dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng, đầu tip nhọn hình tốt - Có đường viền bên (thép không gỉ) giúp thân ống thông giữ được hình dạng tốt, dễ lái, khả năng nhớ hình đầu tip tốt. - Làm bằng chất liệu có cân quang - Có các loại JL, JR, AL, AR, Multi A1, Multi A2, Multi B1, Multi B2, Pigtail - Loại có lỗ bên hoặc không có lỗ bên - Dài các kích cỡ 4F, 5F dài 100cm/125cm - Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4F, 0.046"/1.17mm loại 5F, 0.054"/1.37mm loại 6F - Dùng được với guide wire 0.035"/0.038" - Chịu áp lực dòng chảy cao - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương	3			Cái	110		
351	Ống thông nối dài (Tất cả các size)	Thân ống thép không gỉ dạng xoắn. Phủ Hydrophilic bằng Nano, đầu tip A-traumatic bằng Tungsten siêu mềm tránh gây biến dạng Stent và tổn thương thành mạch. Sử dụng để đặt Stent dài, thiết kế mới trong giải phẫu phức tạp. _Chiều dài: 150cm _Đường kính: 5F, 6F, 7F, 8F - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương	3			Cái	30		
352	Ống thông siêu nhỏ 2 lòng	Chất liệu: Nylon 12 Copolymer & Polyethylene Khẩu kính đầu xa: $\leq 0.43\text{mm}$ Lòng trong nông: $> 0.40\text{mm}$ Đường kính thân catheter: $\leq 0.97\text{mm}$ (2.9Fr) Tráng phủ Hydrophilic Hai đầu cân quang hai bên cổng ra nông OTW Guidewire tương thích: 0.014" Chiều dài khả dụng catheter: $\geq 140\text{cm}$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương	3			Cái	10		
353	Ống thông trợ giúp can thiệp động mạch vành	Thiết kế ống chống biến dạng ống dưới nhiệt độ, độ ẩm cao. Đường viền có độ cứng ống giảm dần từ đoạn gần tới đầu tip. Đầu tip viên tròn, mềm dẻo (urethane) hiển thị tốt. Lòng trong ống rộng: 0.071, 0.081, 0.09 inch (6, 7, 8 F) được phủ lớp PTFE. Đường kính ngoài: 2.09, 2.4, 2.7 mm (6, 7, 8 F) Các loại shape: JL, JR, AL, SAL, AR, HS, IM, PB, SC, SPB, MP Chiều dài khả dụng: 100cm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương	3			Cái	200		
354	Stent động mạch chi các loại, các cỡ	Stent ngoại biên tự bụng chất liệu nitinol thiết kế mắt Open short-cell chống gãy gấp. Hệ thống đặt stent với thiết kế 3 lớp sheath. Đầu tip mềm không gây tổn thương, độ dài catheter 80cm và 140cm. 4 markers trên mỗi đầu stent. Tương thích guiding catheters 8F và introducers 6F. Tương thích với dây dẫn 0.035". Đường kính stent từ 5-10mm. Độ dài stent từ 40-200mm.- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương	5			Cái	20		
355	Stent động mạch vành phủ thuốc các loại, các cỡ	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc Everolimus, khung Cobalt Chromium L605. Thiết kế: 6 đỉnh với đường kính từ 2.25- 2.75 mm; 8 đỉnh đối với đường kính 3.00-4.50mm, khung stent là 65 μm . - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương	5			Cái	35		

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
356	Stent mạch vành CoCr phủ thuốc Sirolimus các cỡ	Stent mạch vành chất liệu Cobalt Chromium phủ thuốc Sirolimus và Polymer phân hủy sinh học Polyactide (PLA), được phủ ở mặt ngoài thành stent. - bề mặt nhám với vô số lỗ nhỏ li ti. - Thiết kế 2 thanh nối trên mỗi phần đoạn, chu vi mặt cáo mở rộng tối đa 18.5mm giúp duy trì lõi vào mạch nhánh, hỗ trợ tốt cho việc đặt stent chỗ chia nhánh ĐMV. - 2 marker Platinum / Iridium. - Khẩu kính bằng qua tổn thương 0.035" / 0.89 mm (Ø 2.5 mm). - Khẩu kính lõi vào tổn thương 0.016" / 0.41mm, không phủ lớp áo nước. - Đường kính phần thân gần 1.9F. - Đường kính phần thân xa 2.7F, dùng kèm dây dẫn 0.014" và ống thông can thiệp tối thiểu 5F. - NP 11 bar. RBP 16 bar. - Độ dày thành chống 0.0027" / 68 µm (Ø2.0-2.5mm); 0.0031" / 79 µm (Ø2.75-4.0mm). - Đường kính 2.00, 2.25, 2.50 mm (chiều dài 8, 12, 16, 18, 21, 24, 28, 32mm). Đường kính stent 2.75, 3.00, 3.50, 4.00 mm (chiều dài 8, 12, 16, 18, 21, 24, 28, 32, 40 mm). - Đường kính (mm) tối đa của mỗi loại stent khi đạt RBP 16atm: Ø2.0 - Ø2.16, Ø2.25 - Ø2.49, Ø2.5 - Ø2.67, Ø2.75 - Ø2.91, Ø3.0 - Ø3.18, Ø3.5 - Ø3.71, Ø4.0 - Ø 4.26. -Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương	3			Cái	40		
357	Stent mạch vành phủ thuốc Novolimus các cỡ	Nguyên liệu làm giá đỡ: Cobalt Chromium. Loại durable polymer, phủ thuốc Novolimus. Độ dày mặt cáo 81 µm. Lớp phủ thuốc và polymer mỏng 3µm. Liệu thuốc: 5microgram/mm độ dài stent. Đường kính: 2.5; 2.75; 3.0; 3.5; 4.0mm. Độ dài: 14, 18, 23, 28, 32, 38mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương	3			Cái	40		
358	Stent phủ thuốc Sirolimus các loại, các cỡ	Khung stent làm từ vật liệu Cobalt Chromium L605. Thiết kế 9 đỉnh và 3 kết nối giữa các vòng. Độ dày khung stent: 65 µm. Chiều rộng khung stent: 72 µm. Chiều rộng kết nối: 58 µm. Đường kính 2.25 mm, Chiều dài: 8, 10, 13, 16, 18, 23, 28 mm Đường kính 2.50 mm, Chiều dài: 8, 10, 13, 16, 18, 23, 28, 33, 38, 43 mm. Đường kính: 2.75, 3.00, 3.25, 3.50, 4.00 mm. Chiều dài: Chiều dài: 8, 10, 13, 16, 18, 23, 28, 33, 38, 43, 48 mm Phủ thuốc Sirolimus 1.4 µg/mm2. Polymer mang thuốc tự tiêu sinh học có thành phần PLGA 85/15 phủ Sirolimus, giúp 100% thuốc được giải phóng liên tục trong vòng 100 ngày. Đường kính thân gần nhỏ 1.9F (0.63 mm). Đường kính thân xa 2.5F - 2.9F tùy vào kích thước stent. Biên dạng đầu tip nhỏ 0.017" (0.43 mm). Áp suất danh định: 8 bar. Áp suất nổ: 16 - 19 bar tùy vào kích thước stent. Có tem chỉ thị nhiệt độ kiểm soát	2			Cái	50		
359	Bơm tiêm truyền áp lực các loại, các cỡ	Bơm tiêm 10ml - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu - Vật liệu làm bằng Polycarbonate chịu áp lực tốt dễ dàng nhận thấy dòng chảy và bọt khí bên trong - Có nhiều màu sắc khác nhau để phân biệt. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương	5			Cái	400		
360	Vi Ống Thông 1 nông (Tất cả các size)	Đầu tip dài cùng khả năng hiển thị lên đến 7mm, thiết kế đầu tip A-traumatic 0.05mm & 0.5mm siêu mềm hình dạng mũi khoan tăng cường khả năng đâm xuyên cùng lớp bên Tungsten. Tương thích Guidewire 0.014". Thiết kế Trục Khóa Torquer tăng cường lực đẩy & đi qua tổn thương CTO. Công nghệ phủ Hydrophilic bằng Nano. Chiều dài 135cm & 155cm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	3			Cái	15		
361	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus	- Chất liệu Platinum Chromium - Phủ thuốc Everolimus - Có lớp polymer PVDF-HFP - Chiều dài : 8,12,16,20,24,28,32,38 mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	1			Cái	15		
362	Bóng nong mạch vành có dao cắt các loại, các cỡ	- Bóng nong mạch vành có dao cắt với độ cao của dao 0.005". Chiều dài lưỡi dao: 6 mm, 10mm, 15 mm. Đường kính bóng: 2.0 đến 4.0 mm. - Có lớp phủ Z-Glide Hydrophilic - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	1			Bộ	15		
	Điện sinh lý tim								
363	Bộ dụng cụ thả dù đóng lỗ thông còn ống đóng mạch	Dù được đặt vào cơ thể nhờ có bộ dụng cụ bao gồm : 1 sheat + 1 dilator + 1 loader + 1 hemostais và 1 delivery cable, sheat + dilator + loader + hemostais được đóng gói chung 1 bộ, delivery cable được đóng gói riêng. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	6			Cái	2		
364	Bộ dụng cụ thả dù đóng lỗ thông liên thất	Dù được đặt vào cơ thể nhờ có bộ dụng cụ bao gồm : 1 sheat + 1 dilator + 1 loader + 1 hemostais và 1 delivery cable, sheat + dilator + loader + hemostais được đóng gói chung 1 bộ, delivery cable được đóng gói riêng. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	3			Cái	2		
365	Bộ dụng cụ thả dù đóng lỗ thông liên nhĩ	Dù được đặt vào cơ thể nhờ có bộ dụng cụ bao gồm : 1 sheat + 1 dilator + 1 loader + 1 hemostais và 1 delivery cable, sheat + dilator + loader + hemostais được đóng gói chung 1 bộ, delivery cable được đóng gói riêng. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	3			Cái	5		
366	Bóng đo đường kính lỗ thông liên nhĩ	Được thiết kế chuyên biệt để đo đường kính lỗ thông liên nhĩ. Bóng được trang bị ống thông cùng các dải chỉ điểm quang học cho phép tiến hành các thủ thuật X-Quang dễ dàng. Khoảng cách giữa các dải chỉ điểm được thể hiện rõ ràng. Đường kính bóng 24mm và 34 mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	3			Bộ	3		
367	Dù bít ống động mạch (PDA)	Sản phẩm tự dẫn nở làm từ Platinum phủ lưới thép Nitinol, được bọc vải Polypropylene hỗ trợ huyết khối Platinum cung cấp khả năng tương thích sinh học ưu việt so với Nitinol. Ngăn ngừa khung dây Nitinol bị ăn mòn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương. Platinum có đầu cấp quang giúp dễ dàng đặt và cấy ghép vào vết thương Có thể thu hồi và đặt lại vị trí Tỷ lệ khép kín vết thương cao Dễ dàng triển khai Đủ kích cỡ từ 4/6mm đến 18/20mm Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	3			Bộ	2		
368	Dù bít thông liên nhĩ (ASD)	Sản phẩm có 2 mặt đĩa tự dẫn nở làm từ Platinum phủ lưới thép Nitinol, được bọc vải Polypropylene hỗ trợ huyết khối Platinum cung cấp khả năng tương thích sinh học ưu việt so với Nitinol. Ngăn ngừa khung dây Nitinol bị ăn mòn. Platinum có đầu cấp quang giúp dễ dàng đặt và cấy ghép vào vết thương Có thể thu hồi và đặt lại vị trí Tỷ lệ khép kín vết thương cao Dễ dàng triển khai Đủ kích thước từ 8mm đến 40 mm Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	3			Cái	6		

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
369	Dù bít thông liên thất (VSD)	Timer ke của dây ra một có thất không nằm ở giữa và 2 dây vùng thất. Nén co thất lưng làm dài thiết bị theo chiều dọc thay vì toả tròn làm rộng lỗ thông. Đĩa được thiết kế có thể chịu được áp lực tâm thất trái cao Platinum trắng bên ngoài có tính tương thích sinh học cao so với nitinol trần ngăn ngừa niken chảy theo dòng máu và đi vào tim. Đĩa và co thất lưng được làm bằng vật Poly Propylene. Dù VSD hiện đang có sẵn với chiều dài của co thất lưng là 4mm, 7mm và 10 mm và đường kính từ 4mm, 6mm, cho đến 16mm, đường kính đi về trái và phải từ 12mm, 14mm và 16mm.	3			Cái	2		
370	Catheter chẩn đoán loại 4 cực, loại mềm, với nhiều đầu cong khác nhau	Catheter chẩn đoán loại 4 cực, loại mềm, với nhiều đầu cong khác nhau. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	2			Cái	6		
371	Cáp nối chẩn đoán loại 4 điện cực (các cỡ)	Cáp nối chẩn đoán loại 4 điện cực (các cỡ). Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	1			Cái	6		
372	Cáp nối chẩn đoán loại 10 điện cực (các cỡ)	Cáp nối chẩn đoán loại 10 điện cực (các cỡ). Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	1			Cái	3		
373	Catheter chẩn đoán loại 10 điện cực, với nhiều đầu cong khác nhau	Catheter chẩn đoán loại 10 điện cực, với nhiều đầu cong khác nhau. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	2			Cái	3		
374	Catheter (ống thông) đốt đầu uốn cong 1 hướng mềm	Catheter (ống thông) đốt đầu uốn cong 1 hướng mềm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	3			Cái	4		
375	Catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng, có thể uốn được nhiều độ cong khác nhau, có tay cầm điều khiển độ cong hai bên	Catheter đốt 2 hướng. Theo dõi nhiệt độ thông qua điện trở nhiệt và cấp nhiệt điện. Đầu catheter quay theo 2 hướng. Nhiều góc cong khác nhau. Khóa lái hướng tự động. Có 4 điện cực Kích thước 7F Khoảng cách điện cực: 2-5-2 Đầu catheter kích thước 4 mm. Bề rộng điện cực 1 mm. Chiều dài 115 cm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	1			Cái	2		
376	Bộ khăn chụp mạch vành 3 lỗ	Bộ khăn chụp mạch vành 3 lỗ gồm: 01 khăn chụp mạch vành kích thước 220cm x 370cm; 01 tấm phủ da nâng kích thước 140cm x 150cm; 01 khăn trải bàn dụng cụ kích thước 140cm x 200cm, 01 bao chụp đầu đèn kích thước 60cm; 01 bao kính chắn chì kích thước 120cm x 120cm; bao đựng Remote kích thước 10cm x 26cm. Tiệt trùng EO. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.					100		
377	Đầu dò IVUS điện từ các cỡ	Sử dụng phù hợp với máy hệ thống siêu âm trong lòng mạch Volcano Corporation/Volcarica, CORE Series s5 Imaging System hiện có của Bệnh viện. Đầu dò siêu âm mạch vành và ngoại biên. - Đầu dò mềm và nhọn với mặt bám vào 0.019" giúp dễ đi vào các stent và san thương khó. - Các đường rìa scan nhìn hơn và hầu như không chuyển đổi tạo điều kiện cho đầu dò dễ di chuyển hơn. - Tương thích cả những dây dẫn với khoảng cách rộng. - Giảm co sợi đến 83% so với đầu dò Eagle Eye® Gold. - Hình ảnh VH IVUS phân loại thành bốn loại mô giúp xâm nhập đến san thương dễ dàng. - Độ bám giúp xâm nhập san thương và đặt stent chính xác. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	30		
378	Bộ máy tạo nhịp vĩnh viễn 1 buồng	Bộ máy tạo nhịp một buồng (máy tạo nhịp + dây điện cực loại vit xoắn hoặc mo neo) nhịp thích ứng, tương thích cộng hưởng từ 1,5 và 3 Tesla toàn thân đến mức SAR 4 W/Kg, thời gian hoạt động ≥ 14 năm với đầy đủ thông kê các thông số kể cả tiền sử điện tim, độ nhạy tự động như ICD, có chương trình MRI AutoDetect: phát hiện khi chụp MRI và tự động vào chương trình MRI đã được lập trình từ trước, đến 14 ngày trước đó. Dây điện cực có lớp phủ fractal Iridium giúp đạt biên độ sóng cao, dây điện cực dùng kim chọc có kích cỡ 6F. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	2			Bộ	30		
	Chấn thương chỉnh hình								
379	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm: Bộ xóp hút dịch bằng áp lực âm V.A.C cỡ nhỏ	Xóp hút dịch vết thương áp lực âm cỡ nhỏ, dùng với máy hút dịch. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Bộ	30		
380	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm: Bộ xóp hút dịch bằng áp lực âm V.A.C cỡ trung	Xóp hút dịch vết thương áp lực âm cỡ trung, dùng với máy hút dịch. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Bộ	30		
381	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm: Bộ xóp hút dịch bằng áp lực âm V.A.C cỡ lớn	Xóp hút dịch vết thương áp lực âm cỡ lớn, dùng với máy hút dịch. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Bộ	30		
382	Bình hút áp lực âm sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm	Bình chứa dịch, dung tích 600cc dùng cho máy hút áp lực âm. Sử dụng chăm sóc vết thương. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	90		
383	Bộ cố định ngoài chữ T + đinh	Chất liệu thép không gỉ. Khung + 4 đinh. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	5			Bộ	10		
384	Bộ cố định ngoài gần khớp + đinh	Chất liệu thép không gỉ. Khung + 6 đinh. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	5			Bộ	5		
385	Bộ cố định ngoài khung chậu + đinh	Bộ cố định ngoài khung chậu + đinh. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	5			Bộ	5		
386	Bộ cố định ngoài liên mấu chuyển Hoffman + đinh	Bộ cố định ngoài liên mấu chuyển Hoffman + đinh. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	5			Bộ	5		
387	Bộ cố định qua khớp gối + đinh	Bộ cố định qua khớp gối + đinh. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	5			Bộ	5		
388	Cố định ngoài ba thanh	Khung + 6 đinh. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	5			Bộ	5		
389	Cố định ngoài cẳng tay	(Khung + 4 đinh Schanz 3.5 x 160mm)/ bộ. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	5			Bộ	5		
390	Cố định ngoài đầu dưới xương quay	Khung + 4 đinh. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	5			Bộ	5		
391	Cố định ngoài Mâm chày	Bộ, gồm có: 2 vòng nhôm, 2 thanh cố định, 3 đinh răng, 8 Fixateur. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	5			Bộ	5		
392	Cố định ngoài Muller	Bộ, Khung + 4 đinh. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	5			Bộ	5		
	Nẹp vít dùng trong chấn thương thông thường								
393	Vít xương cứng dk 3.5mm dài các cỡ	Chất liệu thép y tế, Đường kính vít 3.5mm, dài từ 16 - 40mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	1.200		
394	Vít xương cứng dk 4.5mm dài các cỡ	Chất liệu thép y tế, Đường kính vít 4.5mm, dài từ 28 - 60mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	250		
395	Vít xóp đường kính 4.0mm, ren bán phần, dài các cỡ	Chất liệu thép y tế, Đường kính vít 4.0mm, ren bán phần. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	100		
396	Vít xóp 6.5mm, ren 16mm dài các cỡ	Chất liệu thép y tế, Đường kính 6.5mm, đoạn ren dài khoảng 16mm, dài khoảng từ 30mm-90mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	80		
397	Vít xóp 6.5mm, ren 32 mm dài các cỡ	Chất liệu thép y tế, Đường kính 6.5mm, đoạn ren dài khoảng 32mm, dài khoảng từ 30mm-90mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	80		

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
398	Vít xoắn mắt cá chân đk 4.5mm dài các cỡ	Chất liệu thép y tế, Đường kính vít 4.5mm, dài khoảng từ 25mm-100mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	30		
399	Nẹp lồng màng, 2-12 lỗ, dùng vít 3.5	Chất liệu thép y tế, 6 lỗ, dày ≤1mm, rộng ≤9mm, dài 73mm, thân nẹp 2-12 lỗ khoảng cách giữa các lỗ 12mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	50		
400	Nẹp bản nhỏ 3-8 lỗ, dùng vít 3.5mm	Chất liệu thép y tế, dày ≤3mm, rộng ≤10mm, khoảng cách các lỗ bắt vít là 12mm, có từ 3 đến 8 lỗ chiều dài nẹp khoảng từ 38 đến 98mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	80		
401	Nẹp bản hẹp 6 -10 lỗ, dùng vít 4,5mm	Chất liệu thép y tế, dày ≤4mm, rộng ≤12mm, khoảng cách các lỗ 16mm, số lỗ trên thân nẹp: 6 -10 lỗ. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	20		
402	Nẹp bản rộng 8 -10 lỗ, dùng vít 4.5mm	Chất liệu thép y tế, dày ≤4.8mm, rộng ≤16mm, khoảng cách giữa các lỗ 25mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	8		
403	Nẹp bản rộng 12 lỗ, dùng vít 4.5mm	Chất liệu thép y tế, 12 lỗ, dày ≤3.5mm, rộng ≤16mm, dài từ 87 đến 295mm, khoảng cách giữa các lỗ 16mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	5		
404	Nẹp chữ T nhỏ 3 lỗ đầu/3lỗ thân; 4 lỗ thân; 5 lỗ thân, dùng vít 3.5mm	Chất liệu thép y tế, 3x3,4,5 lỗ, dày ≤1.2mm, rộng ≤11mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	6			Cái	20		
405	Nẹp chữ L trái, phải các cỡ; (4 - 8 lỗ), dùng vít 4.5 mm	Chất liệu thép y tế, dày ≤2.5mm, rộng ≤16mm, trái/phải, 4-8 lỗ, dài ≥110mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	10		
406	Nẹp ốp lỗ cầu trái, phải các cỡ (7 lỗ; 9 lỗ; 11 lỗ)	Chất liệu thép không gỉ, 6 lỗ đầu, từ 7->15 lỗ thân, dùng vít 4.5mm, dài khoảng 157/189/ 221/ 237/ 253/ 285mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	5		
407	Nẹp mắt xích (nẹp tái tạo) các cỡ; (6 lỗ; 8 lỗ; 10 lỗ; 12 lỗ; 14 lỗ; 16 lỗ), dùng vít 3.5 mm	Rộng ≤10mm, độ dày ≤2.5mm, - từ 4 ->14 lỗ, dùng vít 3.5 - chất liệu thép không gỉ, ổ van dài 46 -166mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	100		
408	Đinh Kirschner một đầu nhọn các cỡ, đường kính từ 1.2-2.2mm	Chất liệu thép y tế, đường kính 1.2/1.4/1.5/1.6/1.8/2.0/2.2mm x 310mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	300		
409	Đinh Kirschner một đầu nhọn các cỡ, đường kính từ 2.5-3.0mm	Chất liệu thép y tế, đường kính từ 2.5 - 3.0mm, một đầu nhọn dài 300 - 310mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	200		
410	Đinh Kit-ne có ren các cỡ	Đường kính đinh 1,6/2.5mm - Dài các cỡ 180, 230, 280, 300mm, một đầu có ren - Chất liệu thép không gỉ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	100		
411	Đinh stec-man các cỡ	Đường kính đinh các cỡ 4.0, 4.5, 5.0mm, dài khoảng từ 180->200mm - chất liệu thép không gỉ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	30		
412	Đinh Rush các cỡ	Dài các cỡ 215, 220, 230, 240, 255mm, - chất liệu thép không gỉ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	30		
413	Mũi khoan các cỡ	Chất liệu thép y tế, đường kính các cỡ Ø 2.7/3.2/3.5/4.0/4.5/5.0mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	6			Cái	50		
414	Nẹp tái tạo xương đòn chữ S các cỡ	Chất liệu titanium - Số lỗ 6/7/8/9/10/12 lỗ, tương ứng chiều dài từ 65 -125mm; dày ≤2.5mm, rộng ≤10mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	60		
415	Vít xoắn rỗng các cỡ	Chất liệu titanium. - Đường kính 4.0mm, chiều dài khoảng từ 25-70mm - Đường kính 4.5mm, chiều dài khoảng từ 20-75mm - Đường kính 7.3mm, chiều dài khoảng từ 40-120mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	30		
Nẹp DHS									
416	Nẹp DHS các cỡ (2lỗ->12lỗ)	Chất liệu thép y tế, dày ≤6mm, rộng ≤19mm, cổ nẹp dài khoảng 38mm, góc nghiêng 135°. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	20		
417	Vít DHS các cỡ	Chất liệu thép y tế, đường kính vít 12.5mm đoạn ren dài khoảng 22mm, đường kính đoạn ren 8mm, chiều dài vít khoảng từ 60-90mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	20		
418	Vít nén DHS	Chất liệu thép y tế, chiều dài vít khoảng 36mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	20		
Nẹp DCS									
419	Nẹp DCS các cỡ (6 ->12lỗ)	Chất liệu thép y tế, dày 6mm, rộng 19mm, cổ nẹp dài khoảng 25mm, góc nghiêng 95°. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	5		
420	Vít DCS các cỡ	Chất liệu thép y tế, đường kính vít 12.5mm, đoạn ren dài khoảng 22mm, đường kính đoạn ren 8mm, chiều dài vít khoảng từ 60-90mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	5		
421	Vít nén DCS	Chất liệu thép y tế, chiều dài vít 36mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	5		
Vật tư Đinh nội tủy xương đùi ngắn									
425	Bộ Đinh nội tủy xương đùi ngắn đa phương diện	Yêu cầu đầu thầu đóng bộ đinh và vít. Bộ Đinh nội tủy xương đùi ngắn Titanium đa phương diện, Chất liệu Titanium Alloy gồm: 1. Đinh nội tủy xương đùi ngắn Titanium đa phương diện, chất liệu Titanium, Đường kính các cỡ 9.3/10/11/12mm, Chiều dài khoảng từ 170 - 240mm 2. Vít chốt cổ xương đùi, Chất liệu Titanium, chiều dài khoảng từ 70 - 125mm 3. Vít khóa đinh nội tủy 4.5/5.0, chất liệu Titanium, đường kính 4.5/5.0mm, chiều dài khoảng từ 26 - 100mm 4. Vít nắp đinh xương đùi ngắn, Chất liệu Titanium, Chiều dài các cỡ khoảng 5-10-15mm.	4			Bộ	40		
Vật tư Đinh nội tủy xương chày									
426	Đinh nội tủy xương chày các cỡ	Chất liệu Titanium. Đường kính các cỡ 8.3/9/10/11.5mm. Chiều dài các cỡ khoảng 260/280/300/320/340/360/380/400/420mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	40		
427	Nắp đinh xương chày	Chất liệu titanium. Đường kính 11.5 mm, chiều dài nắp các cỡ khoảng 5,10,15mm Tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương	4			Cái	40		
428	Vít khóa đinh nội tủy 4.5/5.0 các cỡ	Chất liệu titanium. Đường kính các cỡ 4.5/5.0mm. Chiều dài từ 26 - 100mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	250		

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
	Vật tư Đỉnh nội tủy xương đùi dài								
429	Đỉnh nội tủy xương đùi dài các cỡ	Chất liệu titanium(trái/phải) - Đường kính đầu 13mm; đường kính thân các cỡ 9.5/10/11/12mm; chiều dài các cỡ khoảng 320/340/360/380/400/420/440mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	60		
430	Nắp đỉnh xương đùi các cỡ	Chất liệu titanium - Đường kính 13.5mm, chiều dài đỉnh nắp các cỡ khoảng 5,10,15mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	60		
431	Vít khóa tái tạo đỉnh nội tủy 6.3 các cỡ	Chất liệu titanium - Đường kính 6.3mm; chiều dài khoảng từ 65 - 125mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	100		
432	Vít khóa đỉnh nội tủy 4.5/5.0 các cỡ	Chất liệu titanium - Đường kính các cỡ 4.5/5.0mm. Chiều dài khoảng từ 26 - 100mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	300		
	Vật tư hãm, mặt								
433	Nẹp thẳng 12 lỗ, Dài 53 mm, titanium	1. Nẹp titan, dày 0.5mm, 12 lỗ. Dài khoảng 53mm 2. Tương thích với vít titan 1.5mm 3. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	8		
434	Nẹp thẳng 8 lỗ, Dài 35mm, titanium	1. Nẹp titan, dày 0.5mm, 8 lỗ. Dài khoảng 35 mm 2. Tương thích với vít titan 1.5mm 3. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	10		
435	Nẹp thẳng 12 lỗ, Dài 53mm, titanium	1. Nẹp titan, dày 0.7mm, 12 lỗ. Dài khoảng 53mm 2. Tương thích với vít titan 2.0mm 3. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	10		
436	Nẹp Míd chữ L 4 lỗ quay phải, trái	1. Nẹp titan, chữ L, góc 90°, dày 0.7mm, 4 lỗ 2. Tương thích với vít 1.5/ 2.0mm 3. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	8		
437	Nẹp Mini thẳng 4 lỗ, Dài 21mm	1. Nẹp titan, dày 1mm, dài khoảng 21mm 2. Tương thích với vít titan 2.0mm 3. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	30		
438	Nẹp Mini thẳng 6 lỗ, Dài 32mm	1. Nẹp titan, dày 1mm, 6 lỗ, dài khoảng 32mm 2. Tương thích với vít titan 2.0mm 3. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	60		
439	Nẹp Mini thẳng 8 lỗ, dài 43mm	1. Nẹp titan, dày 1mm, 8 lỗ, dài khoảng 43mm 2. Tương thích với vít titan 2.0mm 3. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	40		
440	Nẹp Mini thẳng 10 lỗ, dài 54mm	1. Nẹp titan, dày 1mm, 10 lỗ, dài khoảng 54mm 2. Tương thích với vít titan 2.0mm 3. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	30		
441	Nẹp mặt chữ L trái/ phải 4 lỗ, bắc cầu ngắn	1. Nẹp titan, chữ L bắc cầu ngắn, góc 90°, dày 1.0mm, 4 lỗ 2. Tương thích với vít 2.0mm 3. Quay trái, phải được 4. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	5		
442	Nẹp tái tạo maxi thẳng 17 lỗ	Nẹp titan, dùng cho hãm dưới, độ dày 2.6mm. Nẹp thẳng tái tạo 17 lỗ Tương thích vít titan 2.4mm Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	2		
443	Vít cố định đường kính 1.5*4-5-6-8mm	1. Vít titan, kích thước 1.5*4-5-6-8mm. 2. Tương thích mũi khoan 1.1mm. 3. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	200		
444	Vít cố định đường kính 2.4mm, dài 8mm, 10mm	1. Vít titan, Vít đường kính 2.4mm, dài 8-10mm loại khoan trước. 2. Tương thích với mũi khoan 2.0mm 3. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	50		
445	Vít cố định đường kính 2.0mm, dài 6mm→12mm	1. Vít titan, đường kính 2.0mm, dài 6-8-10-12mm 2. Tương thích mũi khoan 1.6mm 3. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	6			Cái	500		
	Nẹp vít khóa các cỡ								
446	Nẹp khóa bàn ngón Titanium	Chất liệu titanium - Nẹp thẳng 4/6 lỗ; chiều dài khoảng 23/36mm; dày 1mm; rộng khoảng 4.3mm - Nẹp chữ T 3/ 4 lỗ đầu; 8 lỗ thân; dày 1mm; rộng khoảng 4.3mm; tương ứng với chiều dài khoảng 44mm - Nẹp lồi cầu 2 lỗ đầu, 6 lỗ thân dày 1mm; rộng khoảng 4.3mm; dài khoảng 36mm - Nẹp chữ H dày 1mm; rộng khoảng 12mm; dài khoảng 23mm - Dùng với vít khóa 1.5mm tự taro - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	60		
447	Vít khóa bàn ngón Titanium đường kính 1.5mm tự taro	Chất liệu Titanium tự taro, mũ vít hình sao. - Đường kính 1.5mm, chiều dài từ khoảng từ 6 -24mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	360		
448	Nẹp khóa nén ép xương đòn có móc	Chất liệu titanium - 3 lỗ đầu; 2/3/4/5/6/7 lỗ thân (trái/phải); tương ứng chiều dài khoảng 44/54/64/74/84/94mm; dày khoảng 3.6mm; rộng khoảng 11 mm - Tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương	4			Cái	30		
449	Vít khóa đường kính 3.5mm các cỡ	Chất liệu Titanium, tự taro - Đầu ngôi sao, đường kính 3.5mm, dài các cỡ khoảng từ 10 -> 80mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	120		
450	Nẹp khóa nén ép tái tạo xương đòn trái/phải các cỡ	Chất liệu titanium - 6/7/8 lỗ (trái/ phải); tương ứng chiều dài các cỡ khoảng 103.2/113/122.5mm; dày khoảng 3mm; rộng khoảng 10.5mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	30		
451	Vít khóa đường kính 3.5mm các cỡ	Chất liệu Titanium, tự taro - Đầu ngôi sao, đường kính 3.5mm, dài các cỡ khoảng từ 10 -> 80mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	120		
452	Nẹp khóa nén ép đầu trên xương cánh tay các cỡ	Chất liệu titanium - 3/5/6/8/10/12 lỗ; tương ứng chiều dài các cỡ khoảng 84/108/132/150/186/222/258mm; dày khoảng 3.6mm; rộng khoảng 12mm - Sử dụng vít khóa 3.5mm tự taro - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	50		
453	Vít khóa đường kính 3.5mm các cỡ	Chất liệu Titanium, tự taro - Đầu ngôi sao, đường kính 3.5mm, dài các cỡ khoảng từ 10 -> 80mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	120		

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
454	Nẹp khóa nén ép mồm khuỷu 3.5 trái/phải các cỡ	Chất liệu titanium - 2/ 4/ 6/ 8/ 10/ 12 lỗ, tương ứng chiều dài các cỡ khoảng 80/ 106/ 132/ 158/ 184/ 210mm. (trái/ phải); dày khoảng 3.2mm; rộng khoảng 10mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	10		
455	Vít khóa đường kính 3.5mm các cỡ	Chất liệu Titanium, tự taro - Đầu ngôi sao, đường kính 3.5mm, dài các cỡ khoảng từ 10 -> 80mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	120		
456	Nẹp khóa nén ép bản nhô 3.5 các cỡ	Chất liệu titanium - 4/5/6/7/8/10/12 lỗ; tương ứng chiều dài 60/73/86/99/112/138/164mm; dày 1.8mm; rộng 9.5mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	30		
457	Vít khóa đường kính 3.5mm các cỡ	Chất liệu Titanium, tự taro - Đầu ngôi sao, đường kính 3.5mm, dài các cỡ khoảng từ 10 -> 80mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	120		
458	Nẹp khóa nén ép bản hẹp 3.5 các cỡ	Chất liệu titanium - 4/5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ; tương ứng chiều dài các cỡ khoảng 60/73/86/99/112/125/138/ 151/ 164 mm; dày khoảng 3.0mm; rộng khoảng 9.5mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	30		
459	Vít khóa đường kính 3.5mm các cỡ	Chất liệu Titanium, tự taro - Đầu ngôi sao, đường kính 3.5mm, dài các cỡ khoảng từ 10 -> 80mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	120		
460	Nẹp khóa nén ép bản hẹp 4.5/5.0 các cỡ	Chất liệu titanium - 4/5/6/7/8/9/10/11/12/13/14/16 lỗ; tương ứng chiều dài các cỡ khoảng 89/107/125/143/161/ 179/197/215/233/251/269/287mm; dày khoảng 4.8mm; rộng khoảng 13mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	20		
461	Vít khóa đường kính 5.0mm các cỡ	Chất liệu titanium, tự taro - Đầu ngôi sao, đường kính 5.0mm, dài các cỡ khoảng từ 14-90mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	200		
462	Nẹp khóa nén ép bản rộng dùng vít 4.5/5.0 các cỡ	Chất liệu titanium - 5/6/7/8/9/10/11/12/13/14/15/16/17/18 lỗ, tương ứng chiều dài 87mm đến 231mm; dày khoảng 5mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	10		
463	Vít khóa đường kính 5.0mm các cỡ	Chất liệu titanium, tự taro - Đầu ngôi sao, đường kính 5.0mm, dài các cỡ khoảng từ 14-90mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	80		
464	Nẹp khóa nén ép đầu trên xương chày mặt ngoài 4.5/5.0 trái/phải các cỡ	Chất liệu titanium - 5/ 7/ 9/ 11/13 lỗ thân (trái/ phải); tương ứng chiều dài các cỡ khoảng 140/180/220/260/300mm; dày khoảng 4.2mm; rộng khoảng 16mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	30		
465	Vít khóa đường kính 5.0mm các cỡ	Chất liệu titanium, tự taro - Đầu ngôi sao, đường kính 5.0mm, dài các cỡ khoảng từ 14-90mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	200		
466	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong trái/phải các cỡ	Chất liệu titanium - 3 lỗ đầu; 4/5/6/7/8/9/10/11/12/13 lỗ thân (trái/ phải); tương ứng chiều dài các cỡ khoảng 84/100/116/132/148/164/180/196/212/228mm; dày khoảng 3.8mm; rộng khoảng 14mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	30		
467	Vít khóa đường kính 5.0mm các cỡ	Chất liệu titanium Alloy, tự taro - Đầu ngôi sao, đường kính 5.0mm, dài các cỡ khoảng 14-90mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	200		
468	Nẹp khóa đầu trên xương chày trái/phải các cỡ	Chất liệu titanium - 3 lỗ đầu; 4/5/6/7/8/9/10 lỗ thân (trái/ phải); tương ứng chiều dài các cỡ khoảng 83/99/115/131/147/163/179mm; dày khoảng 3.8mm; rộng khoảng 14mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	30		
469	Vít khóa đường kính 5.0mm các cỡ	Chất liệu titanium, tự taro - Đầu ngôi sao, đường kính 5.0mm, dài các cỡ khoảng từ 14-90mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	200		
470	Nẹp khóa nén ép chữ L đầu dưới xương chày mặt trước ngoài 3.5 trái/phải các cỡ	Chất liệu titanium - 9/11/13/15/17/19 lỗ (trái/ phải) , tương ứng chiều dài các cỡ khoảng 117/149/181/213/245/277mm; dày khoảng 4.2mm; rộng khoảng 14mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	20		
471	Vít khóa đường kính 3.5mm các cỡ	Chất liệu Titanium, tự taro - Đầu ngôi sao, đường kính 3.5mm, dài các cỡ khoảng từ 10 -> 80mm - Tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	4			Cái	120		
472	Nẹp khóa nén ép đầu dưới xương chày 3.5 trái/phải các cỡ	Chất liệu titanium - 8 lỗ đầu; 4/6/8/10 lỗ thân (trái/ phải) , tương ứng chiều dài các cỡ khoảng 116/142/168/194mm; dày khoảng 4.2mm; rộng khoảng 13.7mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	20		
473	Vít khóa đường kính 3.5mm các cỡ	Chất liệu Titanium, tự taro - Đầu ngôi sao, đường kính 3.5mm, dài các cỡ khoảng từ 10 -> 80mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	120		
474	Nẹp khóa đầu dưới xương mác 2.7/3.5 trái/phải các cỡ	Chất liệu titanium - 5 lỗ đầu, 3/4/5/6/7/9/11/13/15 lỗ thân (trái/ phải) , tương ứng chiều dài 86/99/112/125/138/164/190/216/242mm; dày 2.5mm; rộng 10.5mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	20		
475	Vít khóa đường kính 3.5mm các cỡ	Chất liệu Titanium, tự taro - Đầu ngôi sao, đường kính 3.5mm, dài các cỡ khoảng từ 10 -> 80mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	120		
476	Vít khóa đường kính 2.7mm các cỡ	Chất liệu titanium, tự taro. - Đường kính 2.7mm ứng với chiều dài khoảng từ 6-60mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	40		
477	Nẹp khóa nén ép đầu dưới xương đùi 4.5/5.0 trái/phải các cỡ	Chất liệu titanium - 5/7/9/11/13 (trái/ phải) lỗ; tương ứng chiều dài các cỡ khoảng 156/196/236/276/316mm; dày khoảng 6mm; rộng khoảng 16mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	30		
478	Vít khóa đường kính 5.0mm các cỡ	Chất liệu titanium, tự taro - Đầu ngôi sao, đường kính 5.0mm, dài khoảng 14-90mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	200		

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
479	Nẹp khóa nén ép đầu trên xương đùi trái/phải các cỡ	Chất liệu titanium - 3/5 lỗ đầu, 4/6/8/10/12 lỗ thân (trái/phải), tương ứng chiều dài các cỡ khoảng 145/185/225/265/305mm; dày khoảng 5.2mm; rộng khoảng 18mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	30		
480	Vít khóa đường kính 5,0mm các cỡ	Chất liệu titanium, tự taro - Đầu ngói sao, đường kính 5.0mm, dài khoảng từ 14-90mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	200		
481	Nẹp khóa nén ép đầu dưới xương quay trái/phải các cỡ	Chất liệu titanium - 3/4/7 lỗ, tương ứng chiều dài các cỡ khoảng 51/61/90mm (trái/phải); dày khoảng 2.5mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	60		
482	Vít khóa đường kính 2.7mm các cỡ	Chất liệu titanium, tự taro. - Đường kính 2.7mm ứng với chiều dài từ 6-60mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	120		
483	Vít xương thuyền	- Chất liệu titanium - Đường kính 2.4mm ứng với chiều dài khoảng từ 18 -40mm, đường kính K-wire 1.2mm - Đường kính 3.0mm ứng với chiều dài khoảng từ 16 -40mm, đường kính K-wire 1.2mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	4			Cái	20		
	Khớp nhân tạo các loại								
484	Khớp háng bán phần không xi măng cổ rời	1. Đầu lưỡng cực: chất liệu Cobalt Chrome với bề mặt chịu lực polyethylene liên kết chéo A-CLASS, đường kính từ 36mm đến 65 mm với mỗi kích cỡ tăng 1mm. Phạm vi chuyển động 100° - Lót lót chất liệu UHMWPE, có một vòng hỗ trợ UHMWPE bên trong vỏ cố định và có một vòng khóa UHMWPE lắp ráp phía trên vòng hỗ trợ. 2. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome đường kính 22, 28, 32, 36mm. Lỗ tăng giảm (+0mm,+3,5mm,+7mm,+10,5mm). 3. Cổ rời làm bằng Titanium/Cobalt - Chrome Alloy, góc cổ chúi có thể điều chỉnh chiều dài và các góc từ 127 độ, 135 độ, 143 độ, chiều dài cổ chúi: 27mm-38.5mm. 4. Cuồng xương đùi chất liệu Titanium/ Cobalt Chrome Alloy Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ, góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ. Thân chúi Titanium Alloy có rãnh dọc chống xoay, rãnh ngang chống lún, phun lớp Plasma (0.5mm). Kích cỡ: 1-10, chích xương HA. Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125-175mm. Độ lệch cổ chúi (Offset): Cổ ngắn (35- 42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42 - 49mm). M/L With 27-36mm; A/P Thick 12-19mm. Cổ 5°42'30" cỡ 12/14 * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA hoặc tương đương	3			Bộ	10		
485	Khớp háng bán phần không xi măng công nghệ phủ Plasmapore	1. Chúi xương đùi - Chất liệu: Titanium - Kích cỡ chúi khoảng từ 8-18mm - Đầu trên được phủ lớp titanium tinh khiết dày khoảng 0,35mm 2. Chòm khớp háng - Chất liệu: Cobalt-chromium - Kích cỡ: 12/14. Đường kính các cỡ khoảng 22; 28mm 3. Ổ cối lưỡng cực - Chất liệu: UHMWPE (ultra high molecular weigh polyethylene UHMWPE) - Kích thước đường kính ngoài khoảng từ 41 - 60mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Bộ	40		
486	Khớp háng toàn phần không xi măng phủ Plasmapore	1. Chúi xương đùi: - Chất liệu: Titanium - Kích cỡ chúi khoảng từ 8-18mm - Đầu trên của implant được phủ lớp titanium tinh khiết dày cỡ 0,35mm 2. Chòm khớp háng: - Chất liệu: Cobalt-chromium - Kích cỡ: 12/14. Đường kính các cỡ 28; 32; 36; 40mm 3. Lót đệm ổ cối: - Chất liệu: Vitelene (UHMWPE-XE vitamin E stabilized highly crosslinked polyethylene). 4. Ổ cối nhân tạo không xi măng: Bề mặt của ổ cối được phủ lớp Titanium nguyên chất dày cỡ 0,35mm - Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: khoảng từ 40 - 70mm 5. Vít ổ cối: - Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: Đường kính cỡ 6.5mm; chiều dài khoảng từ 16-68mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Bộ	20		
487	Khớp háng toàn phần không xi măng chúi phủ Plasma	1. Cuồng xương đùi: Vật liệu Titanium, toàn bộ bề mặt được phủ lớp Porous Plasma; Tiết diện hình thang , tiết diện vuông ở cuối chúi với rãnh dọc nhằm chống xoay; Thân xương đùi thiết kế gần với chòm 12/14. 2. Đầu xương đùi: Vật liệu BIOLOX delta ceramic đường kính 28mm , 32mm , 36mm 3. Ổ cối: Vật liệu : Titanium, thiết kế dạng bán cầu từ đầu đến vỏ bề mặt nhám tổ ong phủ lớp titanium porous plasma; kích thước khoảng từ 44mm-64mm 4. Lót đệm: Vật liệu : Vitamin E kết hợp UHMWPE (ultra high molecular weigh polyethylene UHMWPE), đường kính trong các cỡ 28mm,32mm, 36mm. 5. Vít ổ cối: Tự ren, đường kính cỡ 6,5mm và chiều dài khoảng từ 16-60mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Bộ	6		
488	Xi-măng (cement) hóa học (dùng trong tạo hình vòm sọ, thay khớp)	Trọng lượng khoảng 40g bột (Polymethyl Methacrylate, Zirconium dioxide, Benzoyl peroxide) và 20cc dung dịch (Methyl Methacrylate;N,N-Dimethyl-p-Toluidine;Hydroquinone). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Bộ	5		
489	Ống dẫn lưu áp lực âm các loại, các cỡ	Ống dẫn lưu áp lực âm 400ml. Vật liệu PVC/ Stainless Steel. Đường kính ống hút cỡ 0.32cm. Chiều dài trocar khoảng 12.7cm Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	50		
	Vật tư sơ não								
490	Lưới và sọ Titan, kích thước 50x56mm, dày 0.6mm phù hợp với vít 1.6mm	Vật liệu Titanium . - Cấu trúc 3D, kích thước khoảng: Dài 56mm, Rộng 50mm, Đường kính lỗ lưới phù hợp với vít 1.6mm. Độ dày lưới cỡ 0.6 mm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Miếng	6		
491	Lưới và sọ Titan, kích thước 77x113mm, dày 0.6mm phù hợp với vít 1.6mm	- Vật liệu Titanium. - Cấu trúc 3D, kích thước: Dài 113mm, Rộng 77mm, Đường kính lỗ lưới phù hợp với vít 1.6mm. Độ dày lưới 0.6 mm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Miếng	6		

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
492	Lưới vớ Titan, kích thước 148x148mm, dày 0.6mm phù hợp với vít 1.6mm	- Vật liệu Titanium. - Cấu trúc 3D, kích thước khoảng: Dài 148mm, Rộng 148mm, Đường kính lỗ lưới phù hợp với vít 1.6mm. Độ dày lưới 0.6 mm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Miếng	8		
493	Nẹp sọ não Titanium hình quạt tròn, có tay cầm dài 14mm/ 18mm, 6 lỗ bắt vít	Vật liệu: Titanium - Đường kính lỗ nẹp phù hợp với vít 1.6mm. - Nẹp hình quạt tròn đường kính cỡ 14 hoặc 18mm, gồm 6 lỗ bắt vít đối lập. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Cái	50		
494	Nẹp sọ não Titanium thẳng gồm 4 lỗ, 20 lỗ bắt vít	Vật liệu: Titanium - Đường kính lỗ nẹp phù hợp với vít 1.6mm tự khoan - Nẹp thẳng gồm 4 lỗ, 20 lỗ bắt vít, khoảng cách giữa 2 lỗ bắt vít cỡ 5mm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Cái	20		
495	Vít sọ não Titanium tự khoan (tự Taro) đường kính 1.6 mm, dài 4mm.	Vật liệu Titanium - Đường kính: 1.6mm, chiều dài vít: cỡ 4mm - Vít tự khoan - Đầu vít hình chữ thập, tương thích với nẹp và lưới có đường kính lỗ vít 1.5mm - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Cái	300		
	Nẹp vít cột sống ngực - thắt lưng, sử dụng đồng bộ								
496	Vít đa trục đk 5.0mm - 8.5mm dài các cỡ	Vật liệu: Hợp kim Titanium - Công nghệ cánh ren ngược - Vít đường kính 4.0: chiều dài từ 20 - 40mm - Vít đường kính 4.5: chiều dài từ 20 - 50mm - Vít đường kính 5.0: chiều dài từ 20 - 50mm - Vít đường kính 5.5: chiều dài từ 25 - 45mm - Vít đường kính 6.0: chiều dài từ 25 - 45mm - Vít đường kính 6.5: chiều dài từ 30 - 50mm - Vít đường kính 7.5: chiều dài từ 30 - 50mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 2.82mm - Chiều cao mũ vít 16.1mm - Chiều rộng phần mũ vít trượt trên thanh dọc 9.2mm - Chiều rộng phần mũ vít phần song song với thanh dọc 10.65mm - Chiều rộng phần mũ vít phần vuông góc với thanh dọc 11.4mm - Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ. - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc - Đồng bộ với nẹp dọc đường kính 5.5mm và vít khóa trong tự gây có chiều dài ban đầu là 13.13mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Cái	500		
497	Vít khóa trong	Vật liệu: hợp kim Titanium - Tự gây khi vặn đủ lực. - Được thiết kế cánh ren ngược, tránh nhỏ vít và tròn ren. - Tổng chiều dài của vít khóa trong trước khi bẻ: khoảng 13 mm - Đường kính: 8.883mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 1.0 mm - Chiều dài của phần vít khóa trong sau khi bẻ: 4.65mm - Đồng bộ với vít đa trục/đơn trục và nẹp dọc đường kính 5.5mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Cái	500		
498	Nẹp dọc tròn đk 5.5mm x 50.8 cm	Nẹp dọc mềm đường kính 5.5mm: - Chất liệu hợp kim Titanium - Dài 508mm, trong đó 500mm hình trụ tròn và đầu 8mm hình lục lăng dùng để xoay nẹp. - Nẹp dọc đồng bộ với vít đa trục/ đơn trục và vít khóa trong tự gây. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Cái	100		
499	Nẹp nối ngang đa chiều các cỡ	Vật liệu: hợp kim Titanium - Có thể điều chỉnh được góc quay và thay đổi được chiều dài. - Nẹp kèm theo 2 vít khóa tự gây để cố định vào nẹp dọc đường kính 5.5mm - Chiều dài từ 28 đến 80mm. - Tương thích với hệ thống nẹp vít ốc đường kính 5.5mm- - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Cái	4		
500	Đĩa đệm trong phẫu thuật cột sống lưng dạng cong	Vật liệu: PEEK. - Đầu hình viên đạn, có răng. - Số điểm đánh dấu cân quang: 4 điểm - Chiều dài: 25, 30 và 36mm - Chiều cao: 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15mm - Chiều rộng trước/sau : 10mm - Độ uốn: 6 độ - Diện tích bề mặt khoảng 133mm2 với chiều dài 25mm, 156mm2 với chiều dài 30mm, 180mm2 với chiều dài 36mm - Khoảng ghép xương từ: 0.3 - 1.62 cc tùy kích thước. - Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng. - Có 2 đầu gắn dụng cụ để đặt gần thẳng 0 độ hoặc gần nghiêng 15 độ - Cách nhận biết khi đặt đĩa đệm hoàn chỉnh là: Sau khi đặt vào đĩa đệm bệnh nhân sẽ cho hình ảnh X quang(Lateral hình chữ H, A/P là 3 đường thẳng song song). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	140		
501	Vít khóa trong tự ngắt cho vít trượt	Vật liệu: hợp kim Titanium - Cơ chế tự gây khi vặn đủ lực, màu xanh - Được thiết kế cánh ren ngược, tránh nhỏ vít và tròn ren. - Đường kính: 8.883mm - Hai tầng, chiều cao ban đầu trước khi bẻ: Khoảng 13 mm - Chiều cao sau khi bẻ mũ vít: 4.65mm (không tính điểm khuyết của vít khóa trong) - Khoảng cách giữa hai bước ren: 1.0mm - Đồng bộ với vít cột sống ngực/thắt lưng trượt đa trục. -Tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương	1			Cái	8		
502	Vít trượt đa trục đk 6.5 x 40mm -50mm	Vật liệu Hợp kim Titanium; - Công nghệ cánh ren ngược. - Vít có đường kính: 4.5mm, 5.5mm, 6.5mm, 7.5mm - Chiều dài từ 25mm - 55mm - Có mũ vít dài để nắn chỉnh trượt. - Chiều cao của mũ vít trước khi bẻ: 30mm - Chiều cao của mũ sau khi bẻ: 16 mm - Đồng bộ với nẹp dọc đường kính 5.5mm và vít khóa trong 2 tầng. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Cái	8		
	Nẹp vít cột sống ngực - thắt lưng 2 bước ren, sử dụng đồng bộ								

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
503	Vít đa trục 2 bước ren Solera, các cỡ hoặc tương đương	Vật liệu: Hợp kim Titanium với mu vit bằng Cobalt Chrome, đầu vuông muien bằng Titanium - Có 09 đường kính vít từ: 4.0 đến 6.0mm với bước tăng 0.5mm và từ 6.5 đến 9.5mm với bước tăng 1 mm, được phân biệt bằng màu sắc. - Chiều dài vít từ 20mm đến 100mm tùy đường kính vít, bước tăng 5 -10mm - Chiều cao mũ vít 14.8mm - Chiều rộng phần mũ vít 10.43mm - Vít có 2 bước ren: phần ren xương xấp phía đầu vít với khoảng cách giữa 2 bước ren là 4mm và phần ren xương cứng phía mũ vít với khoảng cách giữa hai bước ren là 2mm. - Ren mở rộng đến đầu thon để dễ dàng bắt vít - Vít đi với hệ thống rod 4.75mm, đồng bộ với vít khóa trong tự gây có chiều cao ban đầu là 12.96mm và nẹp dọc đường kính 4.75mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	1			Cái	50		
504	Vít khóa trong Solera hoặc tương đương	Vật liệu titanium, đầu tù, công nghệ cánh ren ngược, tự ngắt khi vặn đủ lực, đường kính 7.863mm, chiều cao ban đầu 12.96mm, chiều cao sau khi bẻ vít 4.85mm, khoảng cách 2 bước ren 0.9mm, đồng bộ với hệ thống vít đa trục/ đơn trục 2 bước ren và nẹp dọc đường kính 4.75mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Cái	50		
505	Nẹp dọc cột sống lưng Cobalt Chrome đk 4.75x500mm	Vật liệu: Hợp kim Titan - Đường kính 4.75mm, chiều dài 500mm, loại thẳng - Có đường kẻ dọc trên thân để đánh dấu - Đồng bộ với vít đơn trục/ đa trục 2 bước ren và ốc khóa trong tự gây có đường kính 7.863 mm, chiều cao ban đầu 12.96 mm, chiều cao còn lại sau khi vặn đủ lực là 4.85 mm (không tính phần khuyết của vít khóa trong). Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	1			Cái	10		
	Vật tự tiêu hao cột sống cổ sau, sử dụng đồng bộ								
506	Nẹp dọc cột sống cổ sau	Vật liệu: hợp kim Titanium - Dài 240mm, - Đường kính: 3.2mm. - Đồng bộ với vít xỏ cột sống cổ lõi sau đa trục cổ sau và vít khóa trong có lòng phía trong lục giác 2.5mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Cái	4		
507	Vít xỏ đa trục đk 3.5mm - 4.5mm	Vật liệu: Titanium, Vít tự taro, Chiều cao mũ vít: 10.8mm, Chiều rộng mũ vít phần vuông góc thanh dọc: 8.5mm, Khoảng cách giữa 2 bước ren: 1.48mm, Đường kính vít 3.5, 4.0, 4.5 mm, Chiều dài vít 10-52 mm (bước tăng 2mm), Góc nghiêng tối đa 45 độ, Có 03 rãnh bù góc, mã hóa màu kích thước và chiều dài vít, Đồng bộ với vít khóa trong cổ sau và nẹp dọc đường kính 3.2mm. Tiêu chuẩn CE, ISO hoặc tương đương	1			Cái	32		
508	Vít ốc khóa trong cho vít xỏ cột sống cổ sau	Vật liệu: hợp kim Titanium - Thiết kế ren chịu lực, giúp cải thiện độ siết ốc - Đường kính: 5.92mm - Chiều cao 3.63mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren: 0.8mm - Tối ưu hóa vị trí và quan sát của phẫu thuật viên - Lòng phía trong hình lục giác 2.5mm Đồng bộ với vít xỏ đa trục cổ sau và nẹp dọc đường kính 3.2mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	1			Cái	32		
	Nẹp cổ trước liên đĩa đệm cổ, sử dụng đồng bộ								
509	Nẹp cổ trước liên đĩa đệm cột sống cổ, các cỡ.	1.Đĩa đệm cột sống cổ kèm 2 vít tự khoan/tự taro có vòng khóa vít, các cỡ. - Hình dáng: Hình thang, có rãnh 1 chiều chống tuột, 2 lỗ dành cho bắt vít tự khoan. tự taro với vòng xoay khóa vít 90 độ. - Vật liệu: PEEK, không cản quang. - Kích thước: Cao 5-10mm x rộng 15mm x sâu 12mm/Cao 5-10mm x rộng 17mm x sâu 14mm. Độ dày: cạnh sau 2.5mm, cạnh bên 2.25mm, cạnh trước 3.8mm - Độ nghiêng Lordosis: 0 độ, 6 độ - Số điểm đánh dấu : 2. Chất liệu hợp kim Titan - Khoảng ghép xương: 0.35cc-1.04cc đối với miếng ghép thẳng, 0.31cc-0.97cc đối với miếng ghép nghiêng 6 độ. 2. Vít tự khoan/ Tự taro: 02 con Vật liệu: Titanium, Đường kính 3.5 và 4.0mm Chiều dài: 11, 13, 15mm. -Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Cái	10		
510	Đốt sống nhân tạo 13mm x 70mm	Vật liệu: Titanium - Đường kính: 13mm - Dài 70mm - Dạng hình trụ tròn có mắt lưới hình tam giác. - Dùng để đặt và thay thân sống. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Cái	2		
	Nẹp vít, đĩa đệm cột sống cổ trước, sử dụng đồng bộ								
511	Nẹp đốt sống cổ lõi trước 1 tầng	Chất liệu: Hợp kim Titanium - Dài từ 19 đến 30mm (bước nhảy của chiều dài nẹp là 2mm hoặc 2.5mm). - Trên nẹp có khóa vít. Xoay 90 độ để khóa vít. - Có điểm khuyết để xác định điểm giữa của nẹp. - Chiều dài nẹp (A-P): 2.5mm - Chiều rộng: chỗ rộng nhất 17.8mm Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	1			Cái	2		
512	Nẹp cột sống cổ lõi trước, khóa tự động, dài 27.5-> 55mm	Nẹp cột sống cổ lõi trước, khóa tự động dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu Hợp kim Titanium - Dài 27.5-> 55mm (bước nhảy của chiều dài nẹp là 2mm hoặc 2.5mm), dày 2.5mm, rộng 17.8mm - Trên nẹp có khóa vít. Xoay 90 độ để khóa vít. thiết kế 6 lỗ, 2 tầng - Tương thích với vít cột sống cổ lõi trước cùng hãng - Tiêu chuẩnTiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1			Cái	4		
513	Vít cột sống cổ lõi trước	Vít cột sống cổ, đơn/ đa hướng dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lõi trước - Chất liệu Titanium Alloy - Đường kính 4.0/ 4.5mm, dài 11-> 17mm - Góc nghiêng của vít đơn hướng: 12 độ lên trên/xuống dưới, 6 độ tù trong ra ngoài. - Góc nghiêng của vít đa hướng: 22 độ/-2 độ lên trên/xuống dưới; 17 độ/4 độ tù trong ra ngoài. - Tương thích nẹp cột sống cổ cùng hãng - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1			Cái	20		

STT mới	Tên mặt hàng	Đặc tính kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương) (Nhà thầu tham khảo)	Phân nhóm theo TT14	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Thành tiền
	3	4	5			7			
514	Đĩa đệm trong phẫu thuật cột sống cổ	Vật liệu: PEEK OPTIMA - Thiết kế phù hợp với cấu trúc giải phẫu của cơ thể - Hai bề mặt có rãnh - Số điểm đánh dấu cân quang: 3 điểm bằng vật liệu Titanium - Chiều rộng: 11mm, 14mm, 16mm và 18mm - Chiều cao: 4, 5, 6, 7, 8 và 9mm - Chiều sâu: 11, 14mm và 16mm - Độ uốn: 4 độ - Dung tích khoang ghép xương: 0.12-0.26cc - Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	4		
515	Sản phẩm sinh học thay thế xương dạng gel	Xương ghép nhân tạo khử khoáng, cấu trúc dạng ma trận kích thích mọc xương - Có chất mang là Glycerol - Có thể tạo hình sử dụng trong nhiều trường hợp phẫu thuật - Dung tích 1cc, dạng gel - Có thể tiêm được qua da và trộn với các mảnh xương xốp nhỏ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	10		
	Nẹp vít can thiệp tối thiểu cột sống lưng ngực, sử dụng đồng bộ								
516	Đinh (Kim) đóng xuyên cuộn cung	Vật liệu: Thép 304 và nhựa y tế - Bao gồm: Kim mũi kim cương và trocar - Kích cỡ 11 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Cái	12		
517	Vít đốt sống rỗng nông đa trục, các cỡ	Vật liệu: hợp kim Titanium - Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ. - Vít thiết kế rỗng nông. - Đường kính: 5.5, 6.5 và 7.5mm. - Dài từ 30mm đến 50mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 2.75mm - Chiều cao mũ vít 16.1mm - Chiều rộng phần mũ vít phần song song với thanh dọc 10.65mm - Chiều rộng phần mũ vít phần vuông góc với thanh dọc 11.4mm - Dùng trong kỹ thuật mổ MAST (Minimal Access Spinal Technologies) - Tương thích với hệ thống định vị phẫu thuật NAVIGATION và hệ thống theo dõi thần kinh trong mổ - Đồng bộ với nẹp dọc qua da đường kính 5.5mm và ốc khóa trong tự gây có chiều dài ban đầu là 10.38mm, chiều dài sau khi vận đủ lực là 4.65mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Cái	24		
518	Ốc khóa trong tự gây cho vít đốt sống rỗng nông đa trục	Vật liệu: hợp kim Titanium - Tự gây khi vận đủ lực. - Tổng chiều dài của vít khóa trong bao gồm phần bề vít: 10.38mm - Đường kính: 8.883mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 1.0mm - Chiều dài của phần vít khóa trong không bao gồm phần bề vít: 4.65mm - Tương thích với vít cột sống thắt lưng đa trục rỗng nông công nghệ MAST và nẹp dọc qua da đường kính 5.5mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Cái	24		
519	Nẹp dọc uốn sẵn luồn qua da, đường kính 5.5mm, cỡ từ 30mm - 100m	- Vật liệu: Titanium - Uốn cong sẵn, đường kính - Dài từ 30mm đến 130mm, bước tăng 5mm - Có 1 đầu tù để xuyên qua da, đầu còn lại có mẫu để gắn chặt vào dụng cụ luồn qua da - Đồng bộ với vít cột sống qua da và vít khóa trong cột sống thắt lưng qua da có chiều dài ban đầu là 10.38mm, chiều dài sau khi vận đủ lực là 4.65mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	1			Cái	12		
	Nội soi khớp								
520	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu các cỡ	Cố định mảnh ghép dây chằng chéo trong khớp gối. Kích thước: 7x23, 7x28, 8x23, 8x28, 9x23, 9x28, 9x35, 10x28, 10x35, 11x35, 12x35mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	10		
521	Vít cố định mâm chày tự tiêu các cỡ	Đường kính vít 7, 8, 9, 10, 11mm, dài 20, 24, 30, 35mm, chất liệu sinh học, đầu bắt vít được vát nhọn, đã vô khuẩn. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	10		
522	Vít neo giữ mảnh ghép gân các cỡ	Dùng trong phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo trước. Thanh ngang: đường kính lỗ 3 mm, chiều dài 12 mm/ 15 mm. Chất liệu Titanium. Cỡ vòng dây (Loop Size): dài 15 -- > 60 mm với bước tăng 5 mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	20		
523	Bộ dây dẫn dịch vào khớp, 2 đường ra vào riêng biệt	Bộ dây dẫn dịch vào khớp dùng trong nội soi khớp - Chất liệu: Nhựa - Thiết kế: Có 2 đường ra vào riêng biệt. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	30		
524	Lưỡi bảo dùng trong nội soi khớp các cỡ	Lưỡi bảo bảo được phía trước và bên hông, có răng hoặc không răng. Đường kính 2.0; 3.0; 3.5; 3.8; 4.0; 4.2; 5.0; 5.5mm. Chất liệu thép không gỉ, nhựa tổng hợp. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	30		
525	Lưỡi cắt, đốt bằng sóng Radio các cỡ	Sử dụng cho các loại phẫu thuật nội soi khớp. Chiều dài làm việc 13cm, đầu có góc cong 90 độ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	30		
526	Vít chỉ neo khâu bằng ca tự tiêu	Dùng để khâu tổn thương trong nội soi khớp. Đuôi vít được xử 2 sọc chỉ bên tự tiêu màu trắng và xanh chất liệu sinh học. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	10		
527	Chỉ bên dùng trong mổ nội soi có kim	Chỉ khâu trong nội soi khớp vai và khớp gối, chất liệu PolyEthylene, dài 99cm, chỉ màu xanh, kim nhọn. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	30		
528	Vít chốt neo cố định dây chằng	Chất liệu: Nút Titanium (3.4 mm x 13 mm) được kết nối với vòng polyethylene. Cấu trúc chỉ khâu có thể rút ngắn xuống đường kính vòng 11mm và cơ chế khóa 4 nút một chiều để cố định không mất thất có ma sát. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	60		
529	Mũi khoan ngược sử dụng cho kỹ thuật all inside	Mũi khoan có chức năng lật khoan ngược bằng phím bấm để thực hiện kỹ thuật tất cả bên trong ACL. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	3			Cái	10		
530	Hạt vương bắt lưu hành	Dán lưu huyết, kích thích huyết liên tục trong suốt quá trình dán, có thể dễ qua đệm. Dùng trong các phương pháp Điện Chấn, Nhĩ Châm, Lục Khí. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.				Vt	50		